

BÁO CÁO
Kết quả việc thực hiện chính sách, pháp luật
bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang

Kính gửi: Đoàn Giám sát Quốc hội

Thực hiện Công văn số 693/ĐGS ngày 23/01/2025 của Đoàn Giám sát Quốc hội về việc báo cáo việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường;

Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang báo cáo kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường kể từ khi Luật Bảo vệ môi trường 2020 (gọi tắt là Luật BVMT) có hiệu lực trên địa bàn tỉnh An Giang như sau:

PHẦN I
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ XÂY DỰNG, BAN HÀNH, HOÀN THIỆN
CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT THỰC HIỆN LUẬT BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG NĂM 2020 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, THÀNH PHỐ

I. Tình hình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật và chiến lược, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về bảo vệ môi trường của chính quyền địa phương

Kể từ khi Luật BVMT có hiệu lực thi hành và trên cơ sở Kế hoạch triển khai thi hành Luật BVMT được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 343/QĐ-TTg ngày 12/03/2021; hướng dẫn của cơ quan chuyên môn Trung ương, UBND tỉnh An Giang đã khẩn trương triển khai xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các chiến lược, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về bảo vệ môi trường thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý:

- Đến nay, số lượng các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành đến thời điểm báo cáo là 06 văn bản. Trong đó: UBND tỉnh An Giang đã ban hành 05 văn bản và trình HĐND tỉnh ban hành 01 văn bản (Mục I Phụ lục 01). Ngoài ra, UBND tỉnh An Giang đã ban hành 10 văn bản theo thẩm quyền để triển khai các quy định được Luật giao (Mục II Phụ lục 01).

- Về tổ chức rà soát, sửa đổi văn bản pháp luật có liên quan đến Luật BVMT thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước được phân công là 05 văn bản gồm: Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 07/3/2022 của UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được thay thế, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường; Quyết

định số 1264/QĐ-UBND ngày 20/6/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường; Quyết định số 910/QĐ-UBND ngày 05/5/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ liên quan trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh An Giang; Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 08/5/2024 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ liên quan trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh và Quyết định số 13/2024/QĐ-UBND ngày 11/4/2024 của UBND tỉnh về việc bãi bỏ Quyết định số 14/2016/QĐ-UBND ngày 09/3/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá quan trắc và phân tích môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Về ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường địa phương, định mức kinh tế - kỹ thuật về bảo vệ môi trường: UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 752/QĐ-UBND ngày 08/5/2024 quy định đơn giá quan trắc và phân tích môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Về xây dựng kế hoạch, chương trình, đề án, dự án để triển khai thực hiện Luật BVMT, Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia, Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia.

- + UBND tỉnh đã và đang thực hiện 10 kế hoạch đề cụ thể hóa quy định về biến đổi khí hậu, quản lý chất thải, truyền thông,...theo Luật BVMT. Trong đó, Kế hoạch triển khai thi hành Luật BVMT trên địa bàn tỉnh An Giang do UBND tỉnh kèm theo Quyết định số 1197/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 được xem như cơ sở để chỉ đạo, phân công Thủ trưởng các sở, ban, ngành; các hội, đoàn thể cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện quy định pháp luật bảo vệ môi trường (chi tiết tại Mục IV Phụ lục 01).

- + Ngoài ra, Tỉnh An Giang đang tổ chức thực hiện Phương án bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học; khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên; phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu trong Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1369/QĐ-TTg ngày 15/11/2023 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 99/QĐ-TTg ngày 14/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

II. Đánh giá công tác xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường

1. Đánh giá kết quả các văn bản đã ban hành

- Đánh giá việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật:

- + Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật thực hiện chính sách pháp luật bảo vệ môi trường của UBND tỉnh An Giang đảm bảo tính hợp pháp, đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật, cụ thể:

Công tác xây dựng, ban hành Nghị quyết, Quyết định quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh triển khai các chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường được thực hiện đảm bảo tuân thủ theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

+ Tỉnh An Giang đã ban hành các văn bản tương đối đầy đủ, kịp thời theo quy định của Luật BVMT và của các nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 343/QĐ-TTg ngày 12/3/2021 góp phần đưa công tác bảo vệ môi trường tại địa phương dần đi vào nền nếp, đúng quy định.

+ Các văn bản quy phạm pháp luật sau khi ban hành đảm bảo tính khả thi do đã được tổ chức lấy ý kiến rộng rãi của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư theo quy định. Bên cạnh đó, quá trình tổ chức thực hiện, đã thường xuyên rà soát, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc khi áp dụng văn bản vào thực tiễn để tháo gỡ hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, tháo gỡ theo quy định.

- Tỉnh An Giang đã ban hành tương đối đầy đủ các kế hoạch, chương trình, đề án về bảo vệ môi trường. Ngoài ra, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trong đó có các kế hoạch, chương trình, dự án về bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu theo Phương án bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học; khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên; phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu là những cơ sở quan trọng để tỉnh An Giang triển khai đầy đủ quy định của Luật BVMT, Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia, Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia trong giai đoạn tới.

2. Tồn tại, hạn chế

- Hầu hết các quy định chi tiết của Luật BVMT thuộc thẩm quyền ban hành của HĐND, UBND cấp tỉnh được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 343/QĐ-TTg đã được HĐND, UBND tỉnh An Giang ban hành tại 02 văn bản quy phạm pháp luật là Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 của HĐND tỉnh An Giang Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang và Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 07/10/2024 của UBND tỉnh An Giang về ban hành Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang. Tuy nhiên, còn một số nội dung chưa ban hành, cụ thể:

+ Nội dung quy định tại khoản 4 Điều 169 Luật BVMT: *“Bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung một số điểm trong Mục IX - Phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường thuộc Phụ lục số 01 - Danh mục Phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2017/QH14 và Luật số 23/2018/QH14....”* thuộc thẩm quyền ban hành của

HĐND cấp tỉnh. UBND tỉnh An Giang đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh An Giang trình HĐND tỉnh An Giang ban hành 02 Nghị quyết: (1) Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường do UBND tỉnh thực hiện thẩm định trên địa bàn tỉnh An Giang và (2) Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản do UBND tỉnh thực hiện thẩm định trên địa bàn tỉnh An Giang. Dự kiến trình HĐND tỉnh An Giang ban hành vào kỳ họp giữa năm 2025.

+ Các nội dung quy định tại điểm c khoản 5 Điều 51; điểm b và điểm c khoản 6 Điều 52; khoản 7 Điều 72; khoản 6 Điều 79; các điểm b, c và d khoản 5 Điều 86 của Luật BVMT thuộc thẩm quyền ban hành của UBND cấp tỉnh có nội dung liên quan đến cơ chế, chính sách, hỗ trợ, giá,... nên cần rà soát, nghiên cứu các hướng dẫn của cơ quan chuyên môn Trung ương, tham khảo kinh nghiệm các địa phương có điều kiện tương tự, ý kiến chuyên gia,... để đánh giá cụ thể việc ban hành đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của Tỉnh An Giang.

+ Đối với nội dung quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 8: *“Ban hành, tổ chức thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản này”* và điểm a khoản 3 Điều 14: *“Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh”*: UBND tỉnh An Giang đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan lập: (1) Đề cương thực hiện đề án điều tra, đánh giá, xây dựng dự thảo kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt sông, hồ nội tỉnh trên địa bàn tỉnh An Giang, dự kiến hoàn thành trong năm 2026 và (2) Đề cương và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ xây dựng “Đề án điều tra, đánh giá, xây dựng dự thảo kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí tỉnh An Giang giai đoạn 2023 - 2025, tầm nhìn đến 2026 - 2030”.

- Các khó khăn, vướng mắc do văn bản quy phạm pháp luật bất cập ảnh hưởng đến công tác bảo vệ môi trường.

+ Hiện nay, công tác thẩm định báo cáo kiểm kê khí nhà kính của các cơ sở gặp khó khăn do theo quy định tại điểm b, c khoản 5, Điều 12 Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT ngày 07/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cơ quan thẩm định được mời tổ chức, cá nhân có chuyên môn, năng lực, kinh nghiệm và lấy mẫu đại diện tại cơ sở (nếu cần thiết). Tuy nhiên, kinh phí thực hiện để mời tổ chức, cá nhân và chi phí thu mẫu hiện nay chưa có quy định nên các cơ quan thẩm định gặp khó khi triển khai thực hiện.

+ Chưa có quy định về bảng giá dịch vụ xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh, việc này gây khó khăn khi áp dụng biện pháp xử phạt bổ sung tại điểm g khoản 3 Điều 4 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, do *“số lợi bất hợp pháp được tính bằng tổng lưu lượng nước thải đã xả ra môi trường chưa qua xử lý xác định trong thời gian vi phạm tính theo m³ nhân với giá dịch vụ*

xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh được UBND cấp tỉnh quyết định ban hành tính theo đồng/m³... ”.

3. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan:

+ Các quy định chi tiết trong Luật giao UBND, HĐND tỉnh ban hành nhiều, trong khi có nhiều nội dung mới, lần đầu tiên ban hành như: kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt cấp tỉnh, kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh, giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, quy định về hình thức và mức kinh phí hộ gia đình, cá nhân phải chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt dựa trên khối lượng hoặc thể tích chất thải đã được phân loại, thẩm định báo cáo kiểm kê khí nhà kính các cơ sở thuộc thẩm quyền của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh... nên địa phương còn lúng túng trong khâu xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện.

+ Các quy định về cơ chế, chính sách, lộ trình liên quan đến hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, làng nghề,... có tác động lớn đến người dân, doanh nghiệp, nguồn kinh phí lớn nên cần thời gian nghiên cứu và tạo sự đồng thuận trước khi ban hành.

+ Nguồn lực của tỉnh (nhân lực, kinh phí,...) còn hạn chế chưa đáp ứng được yêu cầu công tác quản lý môi trường trên địa bàn tỉnh.

+ Chưa có quy định kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật lập kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí, chất lượng môi trường nước mặt sông, hồ nội tỉnh nên gặp khó khăn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Hệ thống văn bản pháp luật quy định nhiều nhưng chưa cụ thể, đặc biệt là các quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi, nội dung chi,...

+ Công tác phối hợp tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật, thực hiện nhiệm vụ, dự án bảo vệ môi trường giữa các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp địa phương còn chưa chặt chẽ, việc thực hiện kéo dài, chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra.

+ Nguồn nhân lực tham mưu quy định pháp luật bảo vệ môi trường của Tỉnh đều là kiêm nhiệm nên thời gian, chất lượng tham mưu ban hành và tổ chức thực hiện một số nhiệm vụ chưa đảm bảo.

4. Trách nhiệm của cơ quan, cá nhân có liên quan

Công tác xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường luôn được HĐND, UBND tỉnh An Giang quan tâm chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Tuy nhiên, vẫn còn các tồn tại, hạn chế và trách nhiệm của những tồn tại, hạn chế liên quan đến nhiều cơ quan, tổ chức, cá nhân, cụ thể:

- Công tác chỉ đạo thực hiện các quy định Luật giao cần tập trung để đảm bảo tiến độ ban hành. Tăng cường chỉ đạo, bố trí nguồn lực tổ chức thực hiện các quy định được Luật giao.

- Cơ quan chuyên môn cần tập trung rà soát, tham mưu đầy đủ, xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan đơn vị và báo cáo kịp thời để UBND tỉnh An Giang chỉ đạo tổ chức thực hiện.

- UBND cấp huyện cần khẩn trương rà soát, báo cáo kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện các văn bản về bảo vệ môi trường để cơ quan có thẩm quyền xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp giữa quy định của Luật BVMT với các quy định pháp luật khác và điều kiện thực tiễn.

PHẦN II

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, THÀNH PHỐ

I. Kết quả đạt được

1. Về bố trí và sử dụng nguồn lực cho bảo vệ môi trường

1.1. Về bố trí và sử dụng ngân sách nhà nước cho công tác bảo vệ môi trường:

- Về quy trình hướng dẫn, tổng hợp, phân bổ kinh phí cho công tác bảo vệ môi trường của địa phương; việc ban hành các văn bản về hướng dẫn, tổng hợp, phân bổ kinh phí cho công tác bảo vệ môi trường ở địa phương; cơ chế bố trí, phân bổ ngân sách cho hoạt động bảo vệ môi trường:

+ Việc lập, phân bổ dự toán, chấp hành và quyết toán kinh phí chi sự nghiệp bảo vệ môi trường thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

+ Hàng năm, trên cơ sở quy định của Luật BVMT, Luật Ngân sách nhà nước 2015, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT ngày 07/01/2022, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường về xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước hàng năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước giai đoạn 03 năm từ nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường để thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, UBND tỉnh An Giang giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan rà soát, tổng hợp nội dung và dự toán kinh phí thực hiện, tham mưu UBND tỉnh An Giang ban hành kế hoạch trình Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, tổng hợp theo hướng dẫn.

+ Cơ chế bố trí, phân bổ ngân sách cho hoạt động bảo vệ môi trường do Sở Tài chính phối hợp với các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách tham mưu UBND tỉnh An Giang theo các quy định hiện hành.

- Về tình hình bố trí ngân sách của địa phương dành cho công tác bảo vệ môi trường từng năm từ năm 2022 đến năm 2024:

+ Trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2021, Sở Tài chính đã tham mưu UBND tỉnh An Giang bố trí ngân sách địa phương (nguồn chi thường xuyên) cho công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn là 1.105.904 triệu đồng và giai đoạn 2022 đến năm 2024 là 637.948 triệu đồng. Cụ thể:

Dvt: triệu đồng

Năm	Tổng chi ngân sách địa phương	Chi sự nghiệp hoạt động môi trường	Tỷ lệ (%)
2022	15.854.766	214.995	1,36
2023	18.940.716	211.796	1,12
2024	20.667.713	210.957	1,02
Giai đoạn 2022-2024	55.463.195	637.948	
Giai đoạn 2016-2021	78.287.220	1.105.904	

+ Đồng thời, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp cùng Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh bố trí vốn đầu tư công cho các chương trình, dự án thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường: trong giai đoạn 2016-2021 là 703.756 triệu đồng, giai đoạn 2022-2024 là 63.796 triệu đồng với các dự án, như: Dự án trang bị trạm quan trắc môi trường tự động tỉnh An Giang; Dự án nâng cấp và bổ sung trang thiết bị quan trắc và phân tích môi trường: được bố trí vốn 14.482 triệu đồng (Trong đó: kế hoạch vốn năm 2022 là 7.498 triệu đồng; kế hoạch vốn năm 2023 là 6.984 triệu đồng); Dự án đóng cửa, xử lý ô nhiễm môi trường các bãi rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh An Giang (xử lý 25 bãi rác ô nhiễm môi trường): được bố trí vốn 44.981 triệu đồng (thuộc kế hoạch vốn năm 2022).

+ Đối với nguồn ngân sách bố trí cho Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh An Giang (thuộc Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh An Giang):

(1) Từ năm 2019 đến 2024 vốn điều lệ thực có của Quỹ là 30.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi tỷ đồng).

(2) Từ năm 2020 đến năm 2024, Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh không phát sinh cho vay dự án mới, Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh thực hiện nhiệm vụ quản lý ủy thác theo dõi thu hồi nợ vay nhận bàn giao từ Quỹ Bảo vệ môi trường với tổng số dư nợ vay tại ngày 01/04/2020 là 4.400.672.511 đồng của 05 doanh nghiệp¹. Đến ngày 30/9/2023, Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh đã thu hồi dứt điểm các khoản nợ vay nhận bàn giao từ Quỹ Bảo vệ môi trường.

¹ Công ty TNHH TM và DV XNK Hoàng Vĩnh Gia: 777.777.775 đồng; Công ty cổ phần Điện nước An Giang: 685.000.000 đồng; Công ty cổ phần đầu tư du lịch Hellen Phan: 140.000.000 đồng; Công ty TNHH NN CNC An Khang: 587.368.421 đồng; Công ty cổ phần Dược phẩm Agimexpharm: 2.210.526.315 đồng.

- Nội dung chi hàng năm cho công tác bảo vệ môi trường theo từng nguồn ngân sách được HĐND, UBND tỉnh An Giang chỉ đạo các cơ quan tham mưu theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, ngân sách nhà nước và các quy định khác có liên quan.

- Dự toán kinh phí chi sự nghiệp môi trường từ nguồn chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh An Giang đảm bảo không thấp hơn 1% tổng chi ngân sách địa phương theo số liệu nêu trên.

1.2. Về sử dụng nguồn lực từ huy động xã hội hóa cho bảo vệ môi trường:

Việc huy động xã hội hóa cho công tác bảo vệ môi trường chủ yếu thực hiện cho nhiệm vụ truyền thông bảo vệ môi trường trong tổ chức hội, đoàn, thể các cấp. Trong giai đoạn từ năm 2022 đến năm 2024: Hội Cựu chiến binh tỉnh An Giang đã vận động kinh phí xã hội hóa để mua sắm các dụng cụ như: xẻng, cưa, sọt rác, nước uống,... phục vụ hoạt động thu gom chất thải rắn, vệ sinh môi trường phục vụ cho hoạt động của 156 câu lạc bộ “Cựu chiến binh bảo vệ môi trường” trên địa bàn 156 xã, phường, thị trấn của tỉnh; BCH Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh An Giang vận động xã hội hóa 1.500 triệu đồng thực hiện 15 tuyến đường đèn năng lượng mặt trời tại các xã điểm xây dựng nông thôn mới, trồng và chăm sóc 852.203 cây xanh phân tán. Ngoài ra, Tỉnh An Giang đã phối hợp với Trung tâm Truyền thông tài nguyên môi trường thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường (trước đây), Công ty Panasonic trồng 10 ha cây xanh tại khu vực rừng tràm Tân Tuyến góp phần hấp thụ các-bon, giảm phát thải khí nhà kính; Huyện Phú Tân vận động xã hội hóa kinh phí thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt khoảng 3.193,41 triệu đồng;...

Nguồn lực huy động xã hội hóa cho công tác bảo vệ môi trường đã góp phần giảm tải áp lực chi ngân sách địa phương và góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người dân trên địa bàn tỉnh tham gia hoạt động bảo vệ môi trường, cải thiện chất lượng môi trường sống.

1.3. Về sử dụng công cụ kinh tế cho công tác bảo vệ môi trường

- Tổng số thuế, phí về bảo vệ môi trường, tín dụng xanh, trái phiếu xanh... từ các năm và giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2021 và từng năm từ năm 2022 đến năm 2024:

+ Về thuế, phí về bảo vệ môi trường: số liệu báo cáo của Cục Thuế tỉnh An Giang về thuế tài nguyên và phí bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang như sau:

(1) Giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2021:

Dvt: đồng.

STT	Năm	Thuế tài nguyên	Phí BVMT	Tổng (thuế TN+Phí BVMT)
1	Năm 2016	76.400.666.161	34.330.462.899	110.731.129.060
2	Năm 2017	119.023.394.445	53.880.838.842	172.904.233.287
3	Năm 2018	122.871.078.898	72.745.152.101	195.616.230.999

STT	Năm	Thuế tài nguyên	Phí BVMT	Tổng (thuế TN+Phí BVMT)
4	Năm 2019	104.618.332.207	54.906.123.960	159.524.456.167
5	Năm 2020	154.667.577.431	62.309.223.290	216.976.800.721
6	Năm 2021	130.190.176.663	55.332.278.121	185.522.454.784
Cộng		665.701.022.543	375.574.282.475	1.041.275.305.018

(2) Năm 2022: tổng số thuế tài nguyên và phí bảo vệ môi trường là 244.783.013.129 đồng, trong đó: thuế tài nguyên là 171.934.365.029 đồng; phí bảo vệ môi trường là 72.848.648.100 đồng.

(3) Năm 2023: tổng số thuế tài nguyên và phí bảo vệ môi trường là 257.757.289.256 đồng, trong đó: thuế tài nguyên là 185.980.014.596 đồng; phí bảo vệ môi trường là 71.777.274.660 đồng.

(4) Năm 2024: tổng số thuế tài nguyên và phí bảo vệ môi trường là 393.330.773.616 đồng, trong đó: thuế tài nguyên là 286.682.839.164 đồng; phí bảo vệ môi trường là 106.647.934.452 đồng.

+ Về ký quỹ bảo vệ môi trường: số liệu báo cáo của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh An Giang, đơn vị thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận tiền ký quỹ phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản từ năm 2012, số tiền nhận ký quỹ lũy kế đến nay là 46.885 triệu đồng, cụ thể:

Đvt: đồng.

Năm	Số tiền nhận ký quỹ của các doanh nghiệp	Hoàn trả ký quỹ	Lũy kế	Ghi chú
2012	11.536		11.536	
2013				
2014				
2015	2.379	1.733	12.182	
2016	1.971	836	13.317	
2017	2.475	1.288	14.504	
2018	1.497	929	15.072	
2019	1.681	644	16.109	
2020	1.828	253	17.684	
2021	7.156		24.840	
2022	6.897		31.737	
2023	1.916		33.653	
2024	13.232		46.885	
Tổng	52.568	5.683	46.885	

+ Về tổ chức và phát triển thị trường các-bon: Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 232/QĐ-TTg ngày 24/01/2025 về việc phê duyệt Đề án Thành lập và phát triển thị trường các-bon tại Việt Nam. Hiện nay, Đề án mới

bắt đầu khởi động tại Trung ương, kế hoạch thực hiện thí điểm giai đoạn từ năm 2025-2028, chính thức vào năm 2029. Ở cấp tỉnh, thời gian tới sẽ thực hiện theo hướng dẫn của Trung ương.

- Đánh giá khó khăn, vướng mắc hiện nay về cơ chế quản lý và sử dụng thuế, phí bảo vệ môi trường, tín dụng xanh, trái phiếu xanh,...: các khó khăn, vướng mắc chủ yếu liên quan đến nội dung chi, định mức chi cho công tác thẩm định.

1.4. Về tổ chức bộ máy quản lý nhà nước và nhân lực cho công tác bảo vệ môi trường:

Bộ máy quản lý quản lý nhà nước cho công tác bảo vệ môi trường được bố trí ở 03 cấp (tính đến ngày 31/12/2024):

- Cấp tỉnh: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang.
- Cấp huyện: Phòng Tài nguyên và Môi trường 11 huyện, thị xã, thành phố.
- Cấp xã: công chức phụ trách môi trường 155 xã, phường, thị trấn.

1.5. Về tổ chức và hoạt động của quỹ bảo vệ môi trường cấp tỉnh:

- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh An Giang được thành lập theo Quyết định số 1899/QĐ-UBND ngày 24/10/2011 của UBND tỉnh An Giang. Quỹ chính thức đi vào hoạt động độc lập từ tháng 10/2012. Đến tháng 4/2020, Quỹ ủy thác điều hành hoạt động cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh An Giang. Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh An Giang hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động được UBND tỉnh An Giang phê duyệt tại Quyết định số 862/QĐ-UBND ngày 17/4/2019.

- Vốn điều lệ: căn cứ quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh An Giang tại Quyết định số 862/QĐ-UBND của UBND tỉnh An Giang, vốn điều lệ là 30.000 triệu đồng. Nguồn vốn chủ sở hữu của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh An Giang tại thời điểm ngày 31/12/2024 là 44.737 triệu đồng (trong đó: Vốn điều lệ thực có là 30.000 triệu đồng; số dư quỹ đầu tư phát triển 14.737 triệu đồng).

- Mục tiêu, chức năng nhiệm vụ:

+ Về mục tiêu: Quỹ tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước; các nguồn nhận ủy thác, các nguồn tài trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để hỗ trợ tài chính cho các dự án, đề án, kế hoạch thuộc các lĩnh vực về xử lý ô nhiễm môi trường, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, phòng chống, khắc phục ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu.

+ Về chức năng, nhiệm vụ:

(1) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, các nguồn tài trợ, đóng góp, ủy thác của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước nhằm để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động sau: cho vay với lãi suất ưu đãi đối với các dự án bảo vệ môi trường; hỗ trợ lãi suất vay vốn cho các dự án bảo vệ môi trường vay vốn từ các tổ chức tín dụng khác theo quy định pháp luật; tài trợ, đồng tài trợ cho các hoạt động về bảo vệ môi trường như: xử lý khắc phục ô

niêm môi trường, ứng phó, khắc phục hậu quả do sự cố môi trường, thiên tai gây ra; các hoạt động phổ biến, tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường; hỗ trợ trao các giải thưởng về môi trường, các hình thức khen thưởng nhằm tôn vinh tổ chức, cá nhân điển hình tiên tiến về bảo vệ môi trường;

(2) Nhận ký quỹ và hoàn trả tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản với các tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản và các loại hình ký quỹ khác nhằm mục đích bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật hiện hành.

+ Về hiệu quả hoạt động:

(1) Công tác cho vay: thời gian đầu mới thành lập, đi vào hoạt động, Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh An Giang gặp nhiều khó khăn vì khung hành lang pháp lý chưa rõ ràng và đang trong giai đoạn hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy hoạt động. Đến năm 2015, Quỹ tham mưu Hội đồng quản lý ban hành Quy chế hỗ trợ tài chính và Quy định lĩnh vực ưu tiên, tiêu chí lựa chọn các chương trình, dự án đầu tư bảo vệ môi trường được hỗ trợ tài chính từ Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh An Giang. Kết quả từ năm 2015 đến nay, Quỹ tiến hành cho vay ưu đãi 13 dự án về lĩnh vực xử lý nước thải chăn nuôi, xử lý bùn thải, xử lý nước thải và khí thải các nhà máy với số tiền 9.500 triệu đồng.

(2) Công tác thu nợ được Quỹ thực hiện đầy đủ và thường xuyên. Các chủ dự án hiện đều trả lãi và gốc đầy đủ.

(3) Công tác tiếp nhận và quản lý tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường theo đúng quy định: thu tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường đối với các dự án khai thác khoáng sản từ năm 2012 đến nay là 46.885 triệu đồng.

(4) Kết quả hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh An Giang từ năm 2013 đến năm 2018:

Đvt: triệu đồng

Nội dung	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Cộng gộp
Doanh thu	557	918	760	971	1.160	3.020	7.386
Chi phí	247	159	892	689	941	2.523	5.451
Lợi nhuận	210	759	182	282	219	497	2.149

(5) Kết quả hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh An Giang từ năm 2019 đến năm 2024:

Đvt: triệu đồng

Nội dung	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Cộng gộp
Doanh thu	4.428	2.604	2.651	3.356	4.180	4.064	21.283
Chi phí	1.458	945	738	1.048	1.170	1.577	6.936
Lợi nhuận	2.970	1.659	1.913	2.308	3.010	2.487	14.347

- Những khó khăn, vướng mắc: Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 78/2014/QĐ-TTg ngày 26/12/2014 quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam nhưng chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể cho Quỹ Bảo vệ môi trường địa phương, do đó trong quá trình triển khai Tỉnh An Giang phát sinh một số khó khăn, vướng mắc cụ thể:

+ Về mô hình tổ chức: do không có văn bản hướng dẫn của Trung ương về cơ cấu, tổ chức, cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính cho Quỹ Bảo vệ môi trường địa phương nên việc thành lập Quỹ Bảo vệ môi trường địa phương đang thiếu thống nhất về mô hình tổ chức và cơ chế hoạt động như: có tỉnh thì Quỹ Bảo vệ môi trường là tổ chức tài chính nhà nước trực thuộc UBND cấp tỉnh hoặc trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, hoạt động theo mô hình đơn vị sự nghiệp, có tỉnh thì Quỹ Bảo vệ môi trường là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách hoạt động như một doanh nghiệp 100% vốn nhà nước.

+ Về cơ chế hoạt động: theo quy định tại Điều 151 Luật BVMT quy định *“Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam, quỹ bảo vệ môi trường cấp tỉnh là tổ chức tài chính nhà nước, được thành lập ở trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để cho vay ưu đãi, nhận ký quỹ, tài trợ, hỗ trợ, đóng góp tài chính đầu tư cho hoạt động bảo vệ môi trường.” “UBND cấp tỉnh quyết định việc thành lập, tổ chức và hoạt động của quỹ bảo vệ môi trường cấp tỉnh”*. Nhưng hiện nay cơ chế hoạt động của một tổ chức tài chính cụ thể như Quỹ Bảo vệ môi trường theo Luật quy định vẫn chưa được hướng dẫn cụ thể, điều này gây khó khăn trong công tác điều hành và quản lý.

2. Về triển khai các chính sách, pháp luật về phòng ngừa ô nhiễm môi trường

- Đánh giá nội dung bảo vệ môi trường trong Quy hoạch tỉnh; việc lồng ghép nội dung bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu trong Quy hoạch tỉnh:

+ Tỉnh An Giang đã tổ chức xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và hồ sơ, báo cáo kèm theo tại Quyết định số 1369/QĐ-TTg ngày 15/11/2023. Tỉnh An Giang đã lồng ghép, tích hợp các nội dung bảo vệ môi trường vào Phương án bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học; khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên; phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu trong Quy hoạch tỉnh, cụ thể:

(1) Bước đầu quy định các tiêu chí của từng phân vùng môi trường bao gồm: vùng bảo vệ nghiêm ngặt², vùng hạn chế phát thải³ và vùng bảo vệ môi trường khác⁴ làm cơ sở triển khai điều tra, xác định chuyên sâu.

² Khu dân cư tập trung ở đô thị; nguồn nước mặt dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước; khu bảo tồn thiên nhiên theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, lâm nghiệp và thủy sản; khu vực bảo vệ 1 của di tích lịch sử - văn hóa theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.

³ Vùng đệm của các vùng bảo vệ nghiêm ngặt; vùng đất ngập nước quan trọng đã được xác định theo quy định của pháp luật; hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước; khu dân cư tập trung là nội thành, nội thị của các đô thị loại IV, loại V theo quy định của pháp luật về phân loại đô thị; khu vui chơi giải trí dưới nước theo quyết định của UBND cấp tỉnh; khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường dễ bị tổn thương trước tác động của ô nhiễm môi trường khác cần được bảo vệ.

⁴ Các vùng còn lại trên địa bàn tỉnh.

(2) Quy hoạch các khu xử lý chất thải, nước thải tại Phụ lục số XXIII Quyết định số 1369/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và quy định việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn; thu gom, xử lý nước thải đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

(3) Quan trắc môi trường: Tổ chức thực hiện Chương trình quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh dựa trên Phương án phát triển mạng lưới quan trắc tại Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1369/QĐ-TTg. Kết quả quan trắc được thông tin kịp thời đến các sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố để phục vụ công tác quản lý và công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh An Giang, Sở Nông nghiệp và Môi trường.

+ Việc lồng ghép nội dung bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu trong Quy hoạch tỉnh:

(1) Về lồng ghép nội dung bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên trong Quy hoạch tỉnh: Tỉnh An Giang đã lồng ghép thực hiện nội dung bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên thông qua việc thành lập mới 05 khu bảo tồn và chuyển tiếp 02 khu bảo tồn đã thành lập trong Phương án phát triển các khu bảo tồn tại Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1369/QĐ-TTg⁵.

(2) Hiện nay, hầu hết các đề án, chương trình, đồ án quy hoạch trên địa bàn tỉnh đều được lồng ghép nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu trong định hướng phát triển của từng loại đô thị, cụ thể: các đô thị trên địa bàn tỉnh An Giang đều được lập và phê duyệt quy hoạch chung xây dựng làm cơ sở định hướng cho việc đầu tư phát triển các khu chức năng của đô thị; các khu chức năng chính; triển khai các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết; các trục cảnh quan đặc thù của đô thị góp phần giải quyết được tình trạng về dân số và hạ tầng vừa đáp ứng hiệu quả nhu cầu phát triển của tỉnh và phù hợp với diễn biến mới của biến đổi khí hậu.

Ngoài ra, Tỉnh An Giang lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai và ứng phó, giảm nhẹ biến đổi khí hậu (gồm 30 chỉ tiêu thuộc 08 lĩnh vực) vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022-2024 để tổ chức thực hiện.

- Ngày 14/01/2025, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 99/QĐ-TTg về ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 làm cơ sở để địa phương tổ chức thực hiện theo quy định.

- Đánh giá thủ tục hành chính, việc lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) và các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện ĐTM:

⁵ Theo Phương án phát triển các khu bảo tồn trong Quy hoạch tỉnh: trên địa bàn tỉnh dự kiến thành lập mới 05 khu bảo tồn gồm: 02 khu bảo tồn loài - sinh cảnh, 03 khu bảo vệ cảnh quan; chuyển tiếp 02 khu bảo vệ cảnh quan rừng tràm Trà Sư và rừng tràm Tân Tuyên đã được thành lập theo quy định pháp luật về lâm nghiệp.

UBND tỉnh An Giang đã quan tâm, chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM của các dự án đầu tư theo quy định tại Luật BVMT, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể: đã ban hành văn bản hướng dẫn, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của địa phương; ban hành các quyết định công bố thủ tục hành chính theo quy định; công bố danh mục tên thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường); đăng tải báo cáo ĐTM trên trang thông tin điện tử để lấy ý kiến tham vấn theo quy định, nội dung đăng tải rõ ràng, minh bạch và thuận lợi cho việc tiếp cận và góp ý tham vấn; việc tổ chức thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM đúng thẩm quyền và bảo đảm tiến độ; quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM đã được công khai trên cổng thông tin của cơ quan phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM.

- Việc thẩm định, cấp giấy phép môi trường và các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện:

UBND tỉnh An Giang đã quan tâm, chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác thẩm định, cấp giấy phép môi trường theo quy định, cụ thể: đã ban hành văn bản hướng dẫn, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về lập, thẩm định, phê duyệt giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền của địa phương; quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang; ban hành các quyết định công bố thủ tục hành chính liên quan đến giấy phép môi trường theo quy định; đã công bố danh mục tên thủ tục hành chính (giấy phép môi trường) thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương; đăng công khai báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử để lấy ý kiến tham vấn theo quy định, nội dung đăng tải rõ ràng, minh bạch và thuận lợi cho việc tiếp cận và góp ý; việc tổ chức thẩm định, phê duyệt, cấp giấy phép môi trường đúng thẩm quyền và bảo đảm tiến độ; giấy phép môi trường được công khai trên cổng thông tin của cơ quan phê theo đúng quy định.

3. Về triển khai các chính sách, pháp luật về kiểm soát ô nhiễm

3.1. Về kiểm soát ô nhiễm:

- Về kiểm soát ô nhiễm đối với Khu/cụm công nghiệp (KCN/CCN) và làng nghề:
- + Đối với Khu/Cụm công nghiệp:

Trên địa bàn tỉnh An Giang hiện có 02 KCN đang hoạt động có nhà máy xử lý nước thải tập trung đưa vào hoạt động chính thức gồm các KCN: Bình Hòa, Bình Long; tổng lưu lượng nước thải phát sinh từ các KCN khoảng 2.953 m³/ngày.đêm. Hiện nay, các KCN này đã hoàn thiện việc lắp đặt trạm quan trắc tự động và truyền số liệu về Sở Nông nghiệp và Môi trường để theo dõi giám sát

và đã được cấp giấy phép môi trường⁶; KCN Xuân Tô đã phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy xử lý nước thải tập trung với công suất 700 m³/ngày.đêm, dự kiến hoàn thành vào đầu năm 2026; đã được cấp giấy phép môi trường⁷; KCN Vàm cống đang thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng. Đồng thời, có 09/09 CCN đang hoạt động trên địa bàn chưa xây dựng nhà máy xử lý nước thải tập trung, lưu lượng xả thải từ 05 m³/ngày.đêm đến 650 m³/ngày.đêm. Tuy nhiên từng dự án hoạt động trong CCN đều có bố trí hệ thống xử lý nước thải; trong đó: 07/09 CCN đã được UBND tỉnh An Giang ban hành các Quyết định thành lập CCN, 02/09 CCN tỉnh chưa ban hành Quyết định thành lập (CCN Vĩnh Bình - huyện Châu Thành, CCN Bình Đức - thành phố Long Xuyên).

Công tác quản lý, bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp hoạt động trong KCN, CCN về cơ bản được thực hiện theo quy định. Chất thải rắn phát sinh được các doanh nghiệp quản lý, thu gom, phân loại, vận chuyển và xử lý theo quy định, các tiêu chuẩn kỹ thuật và hồ sơ môi trường được phê duyệt. Tuy nhiên vẫn còn một số tồn tại như: chưa kê khai nộp phí, thuế bảo vệ môi trường, mật độ cây xanh chưa đảm bảo, chậm nộp báo cáo công tác bảo vệ môi trường, lắp đặt biển báo xả thải, hệ thống thu gom, thoát nước thải xuống cấp nhưng chưa được đầu tư, cải tạo, nâng cấp, còn phản ảnh về vấn đề mùi khó chịu,...

Về kế hoạch và lộ trình để yêu cầu các KCN/CCN hoàn thành xây dựng hạ tầng bảo vệ môi trường theo yêu cầu của Luật BVMT: để khắc phục các tồn tại trong công tác bảo vệ môi trường tại KCN/CCN trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh An Giang đã ban hành Công văn số 143/UBND-KTN ngày 12/02/2025 để triển khai thực hiện các nội dung kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX tại Báo cáo kiểm toán hoạt động quản lý môi trường tại các Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp giai đoạn 2021-2023 tỉnh An Giang ngày 18/12/2024.

+ Đối với làng nghề:

Tỉnh An Giang có 29 làng nghề thuộc nhóm ngành nghề chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản; chế biến nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ngành nghề nông thôn; sản xuất đồ thủ công mỹ nghệ và cơ khí nhỏ; dịch vụ phục vụ sản xuất nông thôn; trong đó có 26 làng nghề đã được phê duyệt phương án bảo vệ môi trường làng nghề. Việc thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường tại các làng nghề được lồng ghép trong thực hiện chỉ tiêu, tiêu chí môi trường Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, đảm bảo lượng chất thải phát sinh được quản lý theo quy định. Có 08 làng nghề phát sinh nước thải sản xuất, 15 làng nghề phát sinh khí thải. Hầu hết các làng nghề chưa đảm bảo về hạ tầng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường theo quy định (chủ yếu chưa có hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung, khí thải đối với các làng nghề phát sinh nước thải, khí thải). Cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường

⁶ Giấy phép môi trường số 1285/GP-STNMT ngày 05/12/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang (KCN Bình Long); Giấy phép môi trường số 567/GP-STNMT ngày 24/12/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang (KCN Bình Hòa)

⁷ Giấy phép môi trường số 21/GP-STNMT ngày 15/01/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang (KCN Xuân Tô)

tỉnh An Giang đã ban hành văn bản gửi UBND cấp huyện đề nghị thực hiện đúng, đầy đủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường làng nghề⁸.

- Về kiểm soát ô nhiễm đối với nguồn thải, nguồn ô nhiễm có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường (ONMT) cao:

+ Trên địa bàn tỉnh An Giang có 26 cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao được thống kê, quản lý theo quy định, thuộc loại hình như: chế biến thủy sản, xử lý nước thải đô thị và sinh hoạt, sơ chế da, sản xuất thuốc bảo vệ thực vật, xử lý chất thải rắn, giết mổ gia súc, gia cầm,... (Chi tiết theo Phụ lục 03 đính kèm). Đa số các cơ sở được thống kê đã có hồ sơ môi trường để kiểm soát nguồn thải. UBND tỉnh An Giang giao cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh ban hành nhiều văn bản rà soát, đôn đốc, nhắc nhở các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục phải hoàn thành việc lắp đặt theo quy định. Đồng thời, UBND tỉnh An Giang chỉ đạo thực hiện nghiêm việc giải quyết các phản ánh, kiến nghị của người dân đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao thông qua nhiều kênh thông tin như: đường dây nóng của Bộ Tài nguyên và Môi trường, cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường tỉnh An Giang, công tác nắm bắt tình hình dư luận xã hội của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy An Giang, phản ánh kiến nghị của Ban thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh, Trang thông tin điện tử Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang,...

+ Hàng năm UBND tỉnh An Giang ban hành Quyết định danh mục và việc xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường theo quy định tại khoản 1 và điểm 2.1 khoản 2 Mục III của Thông tư số 15/VBHN-BTNMT ngày 10/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn phân loại và quyết định cơ sở gây ô nhiễm môi trường cần phải xử lý⁹. Theo đó, các địa phương đều xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện khắc phục ô nhiễm môi trường đối với các cơ sở, khu, điểm ô nhiễm môi trường trên địa bàn quản lý (dự trù kinh phí và thời gian để tổ chức thực hiện xử lý ô nhiễm môi trường). Đến thời điểm báo cáo, còn 18 khu, điểm ô nhiễm môi trường và 05 cơ sở gây ô nhiễm môi trường cần được xử lý¹⁰.

+ Đối với cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng: UBND tỉnh An Giang đã thực hiện các dự án đóng cửa, xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh, theo đó tỉnh đã phê duyệt dự án tại Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 24/02/2023 (Bãi rác Chợ Mới, Bãi rác Núi Sập), trong đó có đề xuất kinh phí và thời gian thực hiện cụ thể. Riêng đối với bãi rác phường Long Phú, thị xã Tân Châu, UBND tỉnh An Giang giao thị xã Tân Châu xây dựng phương án xử lý đối với bãi rác này. Đồng thời, Sở Tài nguyên và Môi trường đã

⁸ Công văn số 388/STNMT-MT ngày 06/02/2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang về việc tiếp tục thực hiện các quy định pháp luật bảo vệ môi trường tại làng nghề trên địa bàn tỉnh.

⁹ Công văn số 39/UBND-KTN ngày 11/01/2022, Công văn số 37/UBND-KTN ngày 12/01/2023, Công văn số 52/UBND-KTN ngày 15/01/2024, Công văn số 237/UBND-KTN ngày 24/02/2025 của UBND tỉnh An Giang.

¹⁰ Công văn số 237/UBND-KTN ngày 24/02/2025 của UBND tỉnh An Giang về việc danh mục khu, điểm, cơ sở gây ô nhiễm môi trường cần được xử lý năm 2025 trên địa bàn tỉnh

ban hành Công văn số 3669/STNMT-MT ngày 25/10/2023 để hướng dẫn các biện pháp bảo vệ môi trường tạm thời đối với bãi rác này.

3.2. Về kiểm soát chất lượng môi trường:

- Kiểm soát chất lượng môi trường nước:

+ Việc xây dựng, ban hành Kế hoạch quản lý chất lượng nước mặt; tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch quản lý chất lượng nước mặt sau khi đã được ban hành:

UBND tỉnh An Giang đã chấp thuận chủ trương cho Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện đề án điều tra, đánh giá, xây dựng dự thảo kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt sông, hồ nội tỉnh trên địa bàn tỉnh tại Công văn số 1039/VPUBND-KTN ngày 07/3/2024.

Hiện Sở Nông nghiệp và Môi trường và đơn vị tư vấn đang hoàn chỉnh đề cương gửi Sở Tài chính tỉnh An Giang thẩm định trước khi trình UBND tỉnh An Giang xem xét, phê duyệt để tổ chức thực hiện trong năm 2025.

+ Đánh giá hiệu quả của các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường nhằm khắc phục ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường nước mặt cần tiếp tục đầu tư trong thời gian tới:

Trên địa bàn tỉnh có 02/04 khu chức năng chưa đầu tư hệ thống thu gom, thoát nước thải theo quy định hiện hành; 09/09 cụm công nghiệp đang hoạt động, 20/22 đô thị, 349 khu, cụm tuyến dân cư chưa đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung theo quy định Luật BVMT. Nhằm triển khai hiệu quả các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường đối với cụm công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư tập trung, cụm dân cư nông thôn, bảo đảm thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường, giảm thiểu tác động xấu đối với môi trường xung quanh, đặc biệt giảm thiểu các tác động đến chất lượng môi trường nước của nguồn tiếp nhận, UBND tỉnh An Giang đã đề nghị các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, các doanh nghiệp, chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện nghiêm quy định Luật BVMT, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP¹¹. Trên cơ sở báo cáo của Sở Nông nghiệp và Môi trường¹² về tình hình thực hiện bảo vệ môi trường đối với cụm công

¹¹ Công văn số 2330/STNMT-MT ngày 05/7/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang.

¹² Báo cáo số 227/BC-STNMT ngày 28/9/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang. Trong đó đề xuất UBND tỉnh An Giang chỉ đạo các sở và địa phương thực hiện các nội dung sau: (1) Giao Sở Công thương tỉnh An Giang: chủ trì cùng UBND các huyện, thị xã, thành phố đề xuất đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung cho các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh, đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 52 Luật BVMT; (2) Giao Sở Xây dựng tỉnh An Giang: chủ trì cùng UBND các huyện, thị xã, thành phố đề xuất đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung cho các khu đô thị, khu, cụm dân cư nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh, đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 57, Điều 58 Luật BVMT; (3) Giao Sở Tài chính tỉnh An Giang, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang: ban hành, hướng dẫn nguồn kinh phí thực hiện, cơ chế chính sách ưu đãi hỗ trợ, kêu gọi đầu tư theo hình thức xã hội hóa và thu hút các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật cho hoạt động bảo vệ môi trường, đầu tư công trình hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu đô thị, khu, cụm dân cư nông thôn; (4) Giao UBND các huyện, thị xã, thành phố: khẩn trương rà soát, hoàn thiện các thủ tục pháp lý về môi trường cho các khu đô thị, khu dân cư tập trung, cụm dân cư nông thôn đang hoạt động do đơn vị làm chủ đầu tư, quản lý; vận hành hệ thống xử lý nước thải tại các khu dân cư khi tiếp nhận từ các chủ dự án khu dân cư; đề xuất cơ quan có thẩm quyền chủ trương và cân đối nguồn kinh phí để xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải đảm bảo theo quy định đối với các khu, cụm tuyến dân cư tập trung do Nhà nước đã đầu tư trên địa bàn quản lý mà chưa có hệ thống thu gom, xử lý nước thải.

nghiệp, khu đô thị, khu dân cư tập trung, cụm dân cư nông thôn, UBND tỉnh giao các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện theo Công văn số 5820/VPUBND-KTN ngày 20/10/2023.

+ Khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện (nguồn lực cho hoạt động đánh giá sức chịu tải, xây dựng, thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt...): hiện nay, chưa có quy định kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật lập kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt sông, hồ nội tỉnh gây khó khăn trong việc lập dự toán kinh phí thực hiện, đặc biệt trong xác định khối lượng thực hiện và áp dụng đơn giá cho phù hợp.

- Kiểm soát chất lượng môi trường không khí:

+ Việc xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện trách nhiệm quản lý, kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí trên địa bàn tỉnh/thành phố theo các quy định tại Luật BVMT, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Quyết định số 1973/QĐ-TTg và Chỉ thị số 03/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ:

UBND tỉnh đã phê duyệt Đề cương và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ xây dựng “Đề án điều tra, đánh giá, xây dựng dự thảo kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí tỉnh An Giang giai đoạn 2023-2025, tầm nhìn đến 2026-2030” tại Quyết định số 2876/QĐ-UBND ngày 30/11/2022 làm cơ sở triển khai thực hiện trong năm 2022-2023. Trong quá trình thực hiện do vướng mắc về cơ sở pháp lý nên chuyển nhiệm vụ thực hiện trong năm 2024-2025¹³. Đến nay, UBND tỉnh đã phê duyệt Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều 1 của Quyết định số 2876/QĐ-UBND ngày 30/11/2022 và đang giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang tổ chức lựa chọn nhà thầu triển khai thực hiện theo quy định.

+ Xây dựng và ban hành các văn bản, chính sách và kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo:

UBND tỉnh An Giang đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, tổ chức kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí trên địa bàn tỉnh¹⁴, theo đó, đã chỉ đạo các sở ban, ngành, UBND cấp huyện và các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ thuộc lĩnh vực phụ trách để giảm thiểu ô nhiễm và hạn chế các tác động tiêu cực của ô nhiễm không khí trên địa bàn tỉnh An Giang.

Định kỳ hàng năm, Tỉnh An Giang đều tổ chức thực hiện Chương trình quan trắc môi trường, trong đó công tác quan trắc môi trường không khí được thực hiện tại 32 vị trí. Qua mỗi đợt quan trắc, đều thông tin kịp thời kết quả quan trắc đến các sở, ban, ngành, địa phương để phục vụ công tác quản lý và công bố công khai

¹³ Công văn số 2019/VPUBND-KTN ngày 24/4/2024 của Văn phòng UBND tỉnh An Giang về việc chủ trương thực hiện nhiệm vụ trong năm 2024-2025

¹⁴ Công văn số 124/UBND-KTN ngày 22/02/2021 về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 18/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kiểm soát ô nhiễm không khí, Công văn số 301/UBND-KTN ngày 27/3/2023 về việc tăng cường kiểm soát ô nhiễm không khí và xử lý triệt để các điểm nóng về ô nhiễm bụi, khí thải trên địa bàn tỉnh An Giang, Công văn số 1202/UBND-KTN ngày 30/8/2024 về việc tăng cường các biện pháp kiểm soát ô nhiễm không khí trong thời gian giao mùa trên địa bàn tỉnh

trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường. Bên cạnh đó, để tăng cường năng lực quản lý, đã triển khai thực hiện Dự án Trang bị trạm quan trắc môi trường tự động tỉnh An Giang, trong đó đã đầu tư xây dựng 01 trạm quan trắc không khí tự động, liên tục tại thành phố Long Xuyên và thực hiện công bố kết quả quan trắc trên bảng thông tin điện tử đặt tại trạm quan trắc và tại trụ sở của Sở Nông nghiệp và Môi trường cho cộng đồng dân cư theo dõi, giám sát. Ngoài ra, Tỉnh An Giang đã hoàn thành Dự án “Điều tra xây dựng cơ sở dữ liệu môi trường và hạ tầng truyền, nhận số liệu quan trắc tự động liên tục tỉnh An Giang” để tiếp nhận dữ liệu quan trắc môi trường không khí tự động, liên tục và truyền về cơ quan quản lý môi trường Trung ương theo quy định.

+ Đánh giá chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh, thành phố trước và sau khi thực hiện Luật BVMT:

Chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh An Giang tương đối tốt, không xảy ra các vấn đề ô nhiễm nổi cộm hoặc các điểm nóng. Kết quả quan trắc cho thấy phần lớn hàm lượng các thông số trong môi trường không khí đều đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường. Tuy nhiên, cục bộ tại một số vị trí thuộc khu vực đô thị, giao thông, công nghiệp, du lịch bị ô nhiễm bởi bụi, tiếng ồn do tại thời điểm quan trắc có nhiều phương tiện đang lưu thông. So với năm 2022 và năm 2023, chất lượng môi trường không khí năm 2024 xuất hiện ô nhiễm bụi PM₁₀.

+ Khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện (nguồn lực cho hoạt động kiểm kê các nguồn khí thải gây ô nhiễm môi trường không khí; nguồn lực đầu tư cho các trạm quan trắc tự động theo quy hoạch được phê duyệt):

Hiện nay, chưa có quy định kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật lập kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí gây khó khăn trong việc lập dự toán kinh phí thực hiện. Theo đó, Sở Tài nguyên và Môi trường đã có Công văn số 1855/STNMT-MT ngày 04/6/2024 đề nghị Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn nhưng không nhận được ý kiến phản hồi. Đồng thời, trong quá trình điều chỉnh Đề cương và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ xây dựng “Đề án điều tra, đánh giá, xây dựng dự thảo kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí tỉnh An Giang giai đoạn 2023 - 2025, tầm nhìn đến 2026 - 2030”, tại Công văn số 2997/STC-GCS, Sở Tài chính có ý kiến: “...căn cứ Luật Bảo vệ môi trường thì Thông tư số 18/2011/TT-BTNMT đã hết hiệu lực thi hành. Do đó, trường hợp Sở Tài nguyên và Môi trường vận dụng Thông tư số 18/2011/TT-BTNMT để lập dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ xây dựng “Đề án điều tra, đánh giá, xây dựng dự thảo Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí tỉnh An Giang giai đoạn 2023 - 2025, tầm nhìn đến năm 2026 - 2030” thì đề nghị có văn bản xin ý kiến Bộ Tài nguyên và Môi trường để được hướng dẫn cụ thể”. Qua đó, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn thực hiện nhưng không có ý kiến hướng dẫn, phản hồi¹⁵.

¹⁵ Công văn số 3853/STNMT-MT ngày 25/10/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang.

4. Về thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường (theo quy định tại Điều 168 của Luật BVMT)

Hầu hết các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của UBND cấp tỉnh theo quy định tại Điều 168 Luật BVMT đã được UBND tỉnh An Giang chỉ đạo, giao các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện như: xây dựng, ban hành theo thẩm quyền và trình HĐND cùng cấp ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường¹⁶; nội dung về bảo vệ môi trường trong quy hoạch tỉnh¹⁷; tổ chức thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại thu hồi giấy phép môi trường theo thẩm quyền và quy định; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện kiểm soát nguồn ô nhiễm; xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trên địa bàn theo quy định của pháp luật; tổ chức quản lý các nguồn thải trên địa bàn theo phân công, phân cấp; tổ chức theo dõi, giám sát, cảnh báo, quản lý chất lượng môi trường và quản lý chất thải trên địa bàn theo thẩm quyền và theo hướng dẫn của cơ quan bảo vệ môi trường của Trung ương; cải tạo, phục hồi môi trường; bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành mạng lưới quan trắc môi trường theo quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia và quy hoạch tỉnh; xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện chương trình quan trắc môi trường của địa phương; thông tin, cảnh báo về ô nhiễm môi trường theo quy định của pháp luật; truyền thông, phổ biến kiến thức, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường; giáo dục, nâng cao nhận thức, ý thức về bảo vệ môi trường; thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật, trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn; giải quyết khiếu nại, tố cáo về môi trường; xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật; huy động và sử dụng nguồn lực cho công tác bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật; trình HĐND cùng cấp bố trí kinh phí để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo phân cấp ngân sách hiện hành; hướng dẫn, phân bổ, kiểm tra việc thực hiện chi ngân sách nhà nước cho hoạt động bảo vệ môi trường của địa phương;... và thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường khác do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.

5. Về công tác quản lý chất thải

5.1. Về quản lý chất thải rắn sinh hoạt:

- Phân tích, làm rõ trách nhiệm về quản lý chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH) của địa phương (UBND cấp tỉnh) theo quy định của Luật BVMT:

UBND tỉnh An Giang thực hiện trách nhiệm về quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại khoản 2, khoản 6 Điều 75; khoản 4 Điều 77; khoản 6 Điều 79 Luật BVMT.

¹⁶ Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 của HĐND tỉnh An Giang về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang; Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 07/10/2024 của UBND tỉnh An Giang về ban hành Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang;...

¹⁷ Quyết định số 1369/QĐ-TTg ngày 15/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Kết quả thực hiện trách nhiệm của UBND cấp tỉnh về quản lý CTRSH theo quy định của Luật BVMT:

+ Ban hành theo thẩm quyền/tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản về quản lý CTRSH (bao gồm kế hoạch quản lý CTRSH; phân loại CTRSH tại hộ gia đình, cá nhân; định mức kinh tế - kỹ thuật, giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH):

Để triển khai đầy đủ các quy định của Luật BVMT và các quy định liên quan, UBND tỉnh An Giang đã ban hành 07 văn bản quy định, hướng dẫn về quản lý CTRSH, giảm thiểu chất thải nhựa (lồng ghép phân loại CTRSH), thu gom, xử lý chất thải nguy hại¹⁸. Hiện nay, Tỉnh An Giang chưa ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH.

+ Kết quả thực hiện quy hoạch đối với việc xây dựng các nhà máy xử lý rác trên địa bàn:

Trên địa bàn tỉnh có 02 Nhà máy xử lý chất thải rắn, tổng công suất 150 tấn/ngày gồm: ⁽¹⁾ Nhà máy xử lý chất thải rắn Thoại Sơn, công suất 50 tấn/ngày; ⁽²⁾ Nhà máy xử lý chất thải rắn Chợ Mới, công suất 100 tấn/ngày.

Theo Quy hoạch tỉnh An Giang, địa phương quy hoạch 04 cụm xử lý CTRSH như sau: ⁽¹⁾ Đầu tư xây dựng Nhà máy xử lý CTRSH với công suất 1.000 tấn/ngày.đêm tại Khu liên hợp xử lý chất thải rắn xã Bình Hòa, huyện Châu Thành (thu gom, xử lý cho địa bàn thành phố Long Xuyên, Châu Đốc, các huyện Châu Thành, Châu Phú, Tri Tôn, An Phú và thị xã Tịnh Biên) với công nghệ xử lý đốt có thu hồi năng lượng (đốt phát điện), chia thành 02 giai đoạn (mỗi giai đoạn 500 tấn/ngày.đêm); ⁽²⁾ Nhà máy xử lý CTRSH với công suất 200 tấn/ngày.đêm tại Khu liên hợp xử lý chất thải rắn xã Phú Thạnh, huyện Phú Tân (thu gom, xử lý rác cho địa bàn thị xã Tân Châu, huyện Phú Tân và 01 phần của huyện An Phú) với công nghệ xử lý đốt không thu hồi năng lượng; ⁽³⁾ Đầu tư xây dựng mới Dự án Nhà máy xử lý CTRSH công suất xử lý 100 tấn/ngày tại thị trấn Mỹ Luông, huyện Chợ Mới, để nâng tổng công suất xử lý CTRSH trên địa bàn huyện Chợ Mới lên 200 tấn/ngày.đêm; ⁽⁴⁾ Duy trì hoạt động của Nhà máy xử lý chất thải rắn Thoại Sơn tại thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn với công suất 50 tấn/ngày.

¹⁸ (1) Công văn số 192/UBND-KTN ngày 11/3/2021 về triển khai Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 20/8/2020 và Chỉ thị số 41/CT-TTg ngày 01/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh; (2) Kế hoạch số 196/KH-UBND ngày 16/4/2021 về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn năm 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030; (3) Kế hoạch số 556/KH-UBND ngày 13/9/2021 về việc tăng cường công tác quản lý chất thải nhựa trên địa bàn tỉnh An Giang; (4) Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 19/12/2022 về việc chấn chỉnh, tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang; (5) Quyết định số 2877/QĐ-UBND ngày 30/11/2022 về việc ban hành Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2025; (6) Kế hoạch số 752/KH-UBND ngày 31/7/2024 về việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2025 và định hướng đến năm 2030, (7) 36/2024/QĐ-UBND ngày 07/10/2024 Quy định Bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang (trong đó, Quy định chi tiết về quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn; Quy định việc phân loại cụ thể loại chất thải rắn sinh hoạt khác và chất thải công kênh tại địa phương;...).

+ Đầu tư nguồn lực (nhân lực, kinh phí) cho công tác quản lý CTRSH; hạ tầng kỹ thuật về thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH sau phân loại và việc đáp ứng so với nhu cầu của thực tiễn:

Tỉnh An Giang có 07 cụm xử lý CTRSH, cụ thể: ⁽¹⁾ Khu xử lý Bình Hòa, Châu Thành: tiếp nhận CTRSH của thành phố Long Xuyên, huyện Châu Thành và Châu Phú khoảng 350 tấn/ngày, xử lý bằng công nghệ chôn lấp hợp vệ sinh; ⁽²⁾ Khu xử lý Kênh 10, thành phố Châu Đốc: tiếp nhận CTRSH thành phố Châu Đốc và huyện An Phú khoảng 161 tấn/ngày, xử lý bằng công nghệ chôn lấp hợp vệ sinh; ⁽³⁾ Khu xử lý rác Phú Thạnh, huyện Phú Tân: tiếp nhận CTRSH huyện Phú Tân và thị xã Tân Châu khoảng 140 tấn/ngày, được xử lý bằng công nghệ chôn lấp hợp vệ sinh; ⁽⁴⁾ Nhà máy xử lý CTRSH huyện Thoại Sơn: tiếp nhận CTRSH trên địa bàn huyện Thoại Sơn khoảng 55 tấn/ngày, được xử lý bằng công nghệ đốt không thu hồi năng lượng; ⁽⁵⁾ Bãi rác An Cư, thị xã Tịnh Biên: tiếp nhận CTRSH của thị xã Tịnh Biên khoảng 54 tấn/ngày, xử lý bằng hình thức đổ xá phun xịt chế phẩm sinh học khử mùi, diệt côn trùng,... vẫn còn duy trì tiếp nhận; ⁽⁶⁾ Bãi rác An Tức, huyện Tri Tôn: tiếp nhận CTRSH của huyện Tri Tôn khoảng 40 tấn/ngày, được xử lý bằng hình thức đổ xá phun xịt chế phẩm sinh học khử mùi, diệt côn trùng,...; ⁽⁷⁾ Các bãi rác đổ xá lộ thiên (nằm trong dự án đóng cửa các bãi rác trên địa bàn tỉnh) trên địa bàn huyện Chợ Mới: tiếp nhận CTRSH trên địa bàn huyện Chợ Mới khoảng 138,40 tấn/ngày, được xử lý bằng hình thức đổ xá phun xịt chế phẩm sinh học khử mùi, diệt côn trùng,...

+ Thực trạng công tác phân loại CTRSH tại hộ gia đình, cá nhân; đánh giá việc thực hiện phân loại CTRSH theo quy định của Luật BVMT:

UBND tỉnh đã ban hành Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang, trong đó đã quy định chi tiết việc phân loại CTRSH tại hộ gia đình, cá nhân. Đồng thời, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch triển khai phân loại CTRSH tại nguồn trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2025 và định hướng đến năm 2030. Nhiều cơ quan, đơn vị và địa phương đã ban hành kế hoạch và tổ chức thực hiện. Tính đến năm 2023, toàn tỉnh có 36 xã điểm xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao thực hiện phân loại CTRSH thuộc tiêu chí, chỉ tiêu môi trường trong Bộ tiêu chí nông thôn mới, khối lượng khoảng 11,739 tấn/ngày, đạt tỷ lệ CTRSH được phân loại tại nguồn, tái chế, tái sử dụng và xử lý chất thải nhựa khoảng 9,62%.

Địa phương gặp khó khăn trong việc xử lý CTRSH sau khi được phân loại do chưa đồng bộ về cơ sở hạ tầng thu gom, xử lý; chưa có quy định về giá thu gom, xử lý theo khối lượng, thể tích CTRSH phát sinh.

+ Hiện trạng phát sinh, thu gom, xử lý CTRSH khu vực đô thị, khu vực nông thôn từ sau khi Luật BVMT có hiệu lực thi hành. Đánh giá tỷ lệ thu gom, xử lý CTRSH so với giai đoạn trước khi Luật BVMT có hiệu lực thi hành. Việc kiểm soát ô nhiễm đối với các khu tập kết, trung chuyển và xử lý rác thải (các bãi rác) của địa phương:

Trên địa bàn tỉnh An Giang phát sinh khoảng 1.220 tấn CTRSH/ngày, trong đó, đô thị khoảng 680 tấn/ngày (chiếm 55,74%) và nông thôn khoảng 540

tấn/ngày (chiếm 44,26%). Tổng lượng CTRSH được thu gom khoảng 938,52 tấn/ngày (đạt 76,93%); hiện nay có 02 đơn vị thu gom CTRSH là Công ty Cổ phần Môi trường đô thị An Giang và Công ty và Công ty TNHH Xây dựng Môi Trường Xanh, vận chuyển về 07 cụm xử lý. Còn lại khoảng 281,48 tấn/ngày chủ yếu ở vùng nông thôn sâu, cù lao,...được người dân tự xử lý tại hộ gia đình (chôn, đốt,...) hoặc thải ra môi trường.

+ Thực trạng tình hình và kết quả giải quyết các bãi rác tạm thời trên địa bàn tỉnh:

Toàn tỉnh An Giang hiện có 29 bãi rác lộ thiên cần xử lý. Năm 2021, UBND tỉnh An Giang triển khai các dự án xử lý triệt để các bãi rác này, gồm: (1) Dự án Đóng cửa, xử lý triệt để ô nhiễm môi trường các bãi rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh (xử lý 25 bãi rác ô nhiễm môi trường) do Sở Tài nguyên và Môi trường làm chủ đầu tư; (2) Dự án đầu tư xây dựng công trình Đóng cửa, xử lý ô nhiễm môi trường các bãi rác sinh hoạt trên địa bàn tỉnh An Giang (2 bãi rác Chợ Mới và Thoại Sơn) do Sở Tài nguyên và Môi trường làm chủ đầu tư; (3) Dự án đóng cửa, xử lý triệt để bãi rác Long Phú, thị xã Tân Châu do UBND thị xã Tân Châu làm chủ đầu tư; (4) 01 bãi rác tại xã Bình Hoà (bãi cũ) do UBND huyện Châu Thành làm chủ đầu tư. Quá trình triển khai thực hiện do một số yếu tố khách quan: không thống nhất đơn giá xử lý của đơn vị trúng thầu; không xác định được khối lượng rác cần phải đốt (do đây là các bãi rác cũ nên có nhiều mùn, hữu cơ đã phân hủy); công nghệ xử lý cần phải xin ý kiến Bộ Tài nguyên và Môi trường; một số địa phương lần đầu làm chủ đầu tư gặp khó khăn phải dừng thực hiện.

Để tiếp tục xử lý ô nhiễm môi trường tại các bãi rác này, hiện đang triển khai thực hiện các dự án, như sau:

(1) Dự án Đóng cửa, xử lý triệt để 09 bãi rác ô nhiễm môi trường bằng công nghệ chôn lấp hợp vệ sinh¹⁹. Hiện đang trong giai đoạn thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

(2) Dự án xử lý bãi rác tại xã Bình Hoà (bãi cũ) do UBND huyện Châu Thành làm chủ đầu tư: hiện nay đang triển khai các thủ tục liên quan đến dự án, dự kiến trong năm 2025 sẽ triển khai thi công và hoàn thành trong năm 2027.

(3) Đối với 19 bãi rác còn lại²⁰, UBND tỉnh An Giang giao cho địa phương quản lý và xử lý. Đến nay, các địa phương đã hoàn thành xử lý 03 bãi rác gồm: bãi rác Tân Phú, huyện Châu Thành; bãi rác An Hảo, thị xã Tịnh Biên; bãi rác Tân Tuyên, huyện Tri Tôn.

¹⁹ Bao gồm: Bãi rác Vĩnh Nhuận, Bình Thạnh thuộc huyện Châu Thành; Bãi rác Long Điền A, Hòa Bình, Hội An thuộc huyện Chợ Mới; Bãi rác Phú Hữu, huyện An Phú; Bãi rác Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu; Bãi rác thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn; Bãi rác Lương Phi, huyện Tri Tôn.

²⁰ Bao gồm: Bãi rác Tân Phú, huyện Châu Thành; Bãi rác Nhơn Mỹ, An Thạnh Trung, Mỹ Luông, Mỹ An, Mỹ Hiệp, Mỹ Hội Đông, Kiến Thành, Kiến An, thị trấn Chợ Mới thuộc huyện Chợ Mới; Bãi rác Mỹ Phú Đông, Vĩnh Phú thuộc huyện Thoại Sơn; Bãi rác An Cư, An Hảo thuộc thị xã Tịnh Biên; Bãi rác Tân Tuyên, Ô Lâm, An Tức, Ba Chúc thuộc huyện Tri Tôn và bãi rác phường Long Phú, thị xã Tân Châu.

+ Hiện trạng áp dụng công nghệ xử lý CTRSH (chôn lấp, đốt, sản xuất mùn, công nghệ khác): Hiện nay, việc xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo các hình thức: chôn lấp hợp vệ sinh: 637.89 tấn/ngày (tỷ lệ 67,97%), đốt không thu hồi năng lượng: 51,13 tấn/ngày (tỷ lệ 5,45%), đổ xá không qua xử lý: 249,49 tấn/ngày (đạt 26,58%).

+ Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về quản lý CTRSH; hướng dẫn, đôn đốc, chỉ đạo, thanh tra, kiểm tra về công tác quản lý CTRSH nói chung, chấp hành pháp luật về BVMT của các đơn vị thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH.

Tỉnh An Giang đã tổ chức tuyên truyền, giáo dục, hướng dẫn thực hiện phân loại CTRSH theo quy định cho nhiều đối tượng như: hội viên phụ nữ, thanh niên, học sinh, các cơ sở y tế, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư với hơn 648 đợt (lớp) thu hút 42.135 lượt người tham gia. Bên cạnh đó, đã tổ chức tuyên truyền cho đối tượng là học sinh trên địa bàn tỉnh với hơn 1.300 lớp học được tuyên truyền, hướng dẫn. Ngoài ra, đã biên soạn và phát hơn 59.770 tài liệu bướm, 100 bản tin, treo 130 băng-rôn, pa-nô tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện phân loại CTRSH; cấp phát 2.993 thùng, 3.597 sọt, 780 giỏ nhựa, mây và 49.913 bao bì phục vụ công tác phân loại CTRSH và nhiều hoạt động tuyên truyền khác được lồng ghép trong các hoạt động của cơ quan, đơn vị.

- Những tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý CTRSH:

+ Tỷ lệ người dân đóng phí thu gom, vận chuyển CTRSH còn thấp, tỷ lệ thu chưa đạt theo số hộ thực tế đã thống kê, nên gây khó khăn cho ngân sách trong việc chi trả, thanh toán chi phí thu gom và xử lý CTRSH.

+ Một số đơn vị doanh nghiệp khi đã trúng thầu, làm chủ đầu tư dự án về các dự án đầu tư xử lý chất thải rắn chưa thực sự quyết tâm trong quá trình thực hiện, dẫn đến các dự án chưa đưa vào hoạt động hoặc phải huỷ thầu.

+ Công tác tuyên truyền về bảo vệ môi trường nói chung và công tác tuyên truyền phân loại rác thải sinh hoạt nói riêng được các cấp, các ngành triển khai thường xuyên, qua đó nâng cao nhận thức người dân trong việc giữ gìn vệ sinh môi trường, ý thức chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, ý thức của người dân vẫn còn hạn chế, vẫn còn tình trạng xả CTRSH ra môi trường, chất lượng phân loại CTRSH chưa đảm bảo yêu cầu.

+ Hạ tầng và thiết bị phục vụ công tác phân loại CTRSH đã được từng bước đầu tư nhưng chưa đáp ứng yêu cầu theo quy định; một số mô hình bảo vệ môi trường đã được triển khai nhưng chưa được quan tâm kiểm tra, giám sát để duy trì hoạt động hiệu quả.

5.2. Về quản lý nước thải đô thị

- Hệ thống thoát nước tại các đô thị trên địa bàn tỉnh An Giang chưa được đầu tư hoàn chỉnh, ngoại trừ thành phố Long Xuyên và thành phố Châu Đốc là có hệ thống thoát nước cơ bản hoàn chỉnh; các đô thị còn lại, hệ thống thoát nước là hệ thống thoát chung cho nước mưa và nước thải sinh hoạt.

- Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Long Xuyên gồm: Nhà máy phía Bắc đặt tại phường Bình Đức, công suất 10.000 m³/ngày.đêm, thu gom nước thải từ phường Bình Khánh và Mỹ Bình; Nhà máy phía Nam đặt tại phường Mỹ Hòa, công suất 20.000 m³/ngày.đêm, thu gom nước thải từ các phường Mỹ Long, Mỹ Xuyên, Đông Xuyên, Mỹ Quý và Mỹ Phước. Tỷ lệ thu gom xử lý nước thải đạt khoảng 40,6% công suất của nhà máy (thời điểm cao điểm).

- Nước thải sinh hoạt phát sinh tại thành phố Châu Đốc được thu gom và xử lý tại 02 công trình xử lý nước thải tập trung, cụ thể như sau:

+ Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Châu Đốc, công suất 5.000 m³/ngày.đêm. Thu gom thoát nước và xử lý nước thải từ các phường Châu Phú A, Châu Phú B và một phần phường Vĩnh Mỹ.

+ Nhà máy xử lý nước thải Núi Sam, phường Núi Sam, công suất 2.000 m³/ngày.đêm; thu gom và xử lý nước thải trên địa bàn phường Núi Sam (hệ thống đang hoạt động đạt công suất thiết kế).

- Đối với các đô thị còn lại do thiếu vốn đầu tư nên hiện trạng hệ thống thoát nước tại các đô thị này chưa được đầu tư đồng bộ, thiếu kết nối,... dẫn đến tình trạng ngập tại các đô thị và ảnh hưởng vệ sinh môi trường, ô nhiễm nguồn nước mặt và nước ngầm.

Nhìn chung, tỷ lệ đô thị có công trình xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh An Giang chỉ đạt 02/22 đô thị; tuy nhiên, tại các đô thị lớn (đô thị loại I, loại II) đã được các ngành, các cấp quan tâm đầu tư công trình xử lý nước thải nhằm đảm bảo môi trường. Mặt khác, do nguồn vốn đầu tư hoàn chỉnh công trình xử lý nước thải là rất lớn, ngân sách nhà nước không đảm bảo về chi phí đầu tư nên phải phụ thuộc vào nguồn vốn tài trợ nước ngoài, nhà đầu tư,... nên các đô thị còn lại chưa được đầu tư công trình xử lý nước thải hoàn chỉnh.

5.3. Về quản lý chất thải trong hoạt động nông nghiệp, y tế

- Trong hoạt động nông nghiệp:

+ Về chăn nuôi: theo ước tính, trung bình năm 2024, đàn vật nuôi trên địa bàn tỉnh thải vào môi trường khoảng 778.837 tấn chất thải rắn (phân, thức ăn thừa) và khoảng 1,7 triệu khối chất thải lỏng (nước tiểu và nước rửa chuồng trại). Lượng chất thải trên được xử lý bằng các biện pháp như: biogas, ủ phân, đệm lót sinh học và hình thức khác (chi tiết theo Phụ lục 04 đính kèm).

Ngành nông nghiệp tỉnh An Giang đã: ⁽¹⁾ lồng ghép thực hiện tuyên truyền, hướng dẫn các giải pháp phát triển chăn nuôi an toàn sinh học, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn trong chăn nuôi vào các dự án, kế hoạch phát triển chăn nuôi, các lớp tập huấn kỹ thuật chăn nuôi, 509 công trình khí sinh học biogas và 28 mô hình đệm lót sinh học...; ⁽²⁾ triển khai xây dựng, nâng cấp 08 cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung²¹, trong đó có 05

²¹ (1) Cái Dung, thành phố Long Xuyên; (2) thị trấn Cái Dầu, huyện Châu Phú; (3) thị trấn Nhà Bàng, huyện Tịnh Biên; (4) xã Vĩnh Châu, thành phố Châu Đốc; (5) thị trấn An Phú, huyện An Phú; (6) xã Châu Phong, thị xã Tân Châu; (7) xã Bình Hòa, huyện Châu Thành; (8) xã Vọng Thê, huyện Thoại Sơn

cơ sở có quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh An Giang²², ⁽³⁾ đánh giá, xếp loại đảm bảo điều kiện vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động; kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm. Qua kiểm tra, các cơ sở đạt theo tiêu chí xếp loại B theo quy định tại Thông tư 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, chưa phát hiện cơ sở vi phạm. Các cơ sở còn lại sẽ được triển khai theo mục tiêu giai đoạn đến năm 2025 của Quyết định số 2367/QĐ-UBND ngày 27/9/2018 của UBND tỉnh An Giang, ⁽⁴⁾ cấp 02 giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi cho 02 doanh nghiệp có quy mô lớn²³, ⁽⁵⁾ quản lý chất thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi theo quy định chuyên ngành.

Đồng thời, công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động chăn nuôi còn được tỉnh An Giang quản lý, kiểm soát bằng biện pháp hành chính theo quy định của Luật BVMT (các thủ tục hành chính về môi trường như: Báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường,...; quan trắc định kỳ, quan trắc tự động liên tục; báo cáo công tác bảo vệ môi trường; hoạt động thanh tra, kiểm tra,...) do thuộc Danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ gây ô nhiễm môi trường theo tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

+ Về trồng trọt:

Ngành nông nghiệp thực hiện tái sử dụng phụ phẩm, phế phẩm nông nghiệp thông qua việc triển khai kế hoạch đào tạo và hoạt động thường xuyên của lực lượng khuyến nông. Trong đó, đã tổ chức 25 lớp huấn luyện nông dân tận dụng rơm rạ để làm phân compost, 13 mô hình sử dụng chế phẩm vi sinh (chế phẩm sumitri, Tenabio 5D, chế phẩm R1...) để xử lý rơm rạ thành phân hữu cơ, cung cấp dinh dưỡng trả lại cho đất, kinh doanh phân bón hữu cơ.

Công tác quản lý, thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên địa bàn tỉnh được quan tâm thực hiện. Các nguồn lực chi cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng tại địa phương bao gồm: kinh phí sự nghiệp môi trường được cấp hàng năm, vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và nguồn xã hội hóa,... UBND tỉnh An Giang đã ban hành 02 Kế hoạch để tổ chức thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2025²⁴. Tính đến tháng 11/2022, khối lượng bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng được Công ty Cổ phần Môi trường đô thị An Giang thu gom là 5,214 tấn. Ngoài ra, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (trước đây) đã kết hợp với Công ty

²² (1) Cái Dung, thành phố Long Xuyên; (2) thị trấn Cái Dầu, huyện Châu Phú; (3) thị trấn Nhà Bàng, huyện Tịnh Biên; (4) xã Vĩnh Châu, thành phố Châu Đốc; (5) thị trấn An Phú, huyện An Phú.

²³ Trại An Khang của Công ty TNHH Nông Nghiệp CNC An Khang và Trại chăn nuôi Vĩnh Khánh của Công ty cổ phần XNK AFIEEX

²⁴ Quyết định số 599/QĐ-UBND ngày 28/3/2022 của UBND tỉnh An Giang về Kế hoạch “Thu gom, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2025” và Quyết định số 2877/QĐ-STNMT ngày 30/11/2022 về việc ban hành Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2025

TNHHTM Tân Thành thu gom và xử lý được khoảng 3,5 tấn vỏ chai, bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng.

+ Những tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý chất thải trong hoạt động nông nghiệp: (1) Chăn nuôi nhỏ lẻ vẫn tồn tại, chưa xây dựng được vùng chăn nuôi tập trung, an toàn dịch bệnh, (2) kinh phí thu gom, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng lớn (do thuộc nhóm chất thải nguy hại), (3) các hướng dẫn chi tiết việc thu gom, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật phát sinh trong hoạt động nông nghiệp thuộc trách nhiệm ban hành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định tại điểm c khoản 4 và điểm b khoản 6 Điều 65 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 nhưng chưa được ban hành dẫn đến một số địa phương trên địa bàn tỉnh đã tổ chức thu gom, lưu chứa trong quá trình thực hiện đạt các tiêu chí, chỉ tiêu trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới nhưng chưa được xử lý, một số địa phương không còn chỗ lưu chứa hoặc thu gom, lưu chứa lâu ngày mà không xử lý được dẫn đến phản ánh của người dân xung quanh.

- Trong hoạt động y tế:

+ Về quản lý và xử lý chất thải rắn y tế:

Các cơ sở y tế đã bố trí thùng chứa rác tại các khoa, phòng; dán nhãn trên thùng phân loại và có bảng phân loại chất thải theo quy định; chất thải phát sinh tại cơ sở y tế được thu gom, vận chuyển theo tuyến đường và thời gian cụ thể; bố trí, trang bị phương tiện để thu gom chất thải rắn từ nơi phát sinh về kho lưu giữ có biển cảnh báo theo quy định.

Chất thải y tế phát sinh tại các cơ sở y tế đều được xử lý hoặc chuyển giao xử lý theo Quy chế quản lý chất thải y tế ban hành kèm theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế. Riêng 02 Trung tâm Y tế (huyện Phú Tân, Chợ Mới) có lò đốt chất thải rắn y tế và đang hoạt động bình thường, 02 Bệnh viện (Sân Nhi, Đa khoa khu vực Tân Châu) đang xử lý chất thải rắn y tế bằng công nghệ không đốt. 02/05 bệnh viện tư nhân có lò đốt chất thải y tế rắn (Bệnh viện Nhật Tân, Bệnh viện Hạnh Phúc). Chất thải sau khi xử lý tiếp tục hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thu gom và xử lý triệt để. Các cơ sở y tế còn lại ký hợp đồng xử lý chất thải rắn y tế nguy hại với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Về quản lý và xử lý chất thải lỏng y tế:

Các bệnh viện công lập và các Trung tâm Y tế tuyến huyện đều có hệ thống xử lý nước thải. Hầu hết các phòng khám đa khoa khu vực đều có hệ thống xử lý nước thải với công suất 10 m³/ngày.đêm. Một số Trạm Y tế được đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải với công suất từ 3,0-5,0m³/ngày.đêm. Có 05 bệnh viện tư nhân trang bị hệ thống xử lý nước thải theo quy mô hoạt động. Đối với các đơn vị y tế chưa có hệ thống xử lý, nguồn nước thải y tế được xử lý bằng hệ thống tự hoại trước khi đổ vào hệ thống cống thoát nước.

Nhìn chung các cơ sở y tế thực hiện tốt việc quản lý chất thải y tế lỏng. Tuy nhiên bên cạnh các đơn vị chưa xây dựng hệ thống xử lý nước thải y tế, còn một số đơn vị có hệ thống xử lý nước thải hư hỏng, xuống cấp cần phải được đầu tư nâng cấp.

+ Những tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý chất thải trong hoạt động y tế: ⁽¹⁾ Kinh phí đầu tư xây dựng, vận hành, sửa chữa hệ thống xử lý nước thải y tế cao, một số cơ sở y tế quy mô nhỏ (trạm y tế, phòng khám đa khoa khu vực) còn khó khăn về kinh phí, cần có mô hình xử lý phù hợp với giá thành hợp lý để triển khai và duy trì tốt hoạt động xử lý chất thải, ⁽²⁾ một số tuyến đường xe thu gom chất thải rắn y tế nguy hại không vào được nên trạm y tế tự chuyển chất thải nguy hại lên Trung tâm Y tế lưu giữ tập trung trước khi chuyển giao xử lý.

5.4. Về quản lý một số loại chất thải đặc thù

Trên địa bàn tỉnh An Giang có 04 Nhà máy điện mặt trời với tổng số tấm quang điện lắp trên mặt đất đang hoạt động là 863.940 tấm, được vận hành từ năm 2019 và theo thống kê của Công ty Điện lực An Giang, tỉnh An Giang hiện có 413.211 tấm pin năng lượng mặt trời lắp trên mái nhà của các hộ dân, trụ sở cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp. Theo báo cáo của ngành công thương thì tuổi thọ của tấm pin năng lượng mặt trời có thể kéo dài khoảng từ 25 đến 50 năm trước khi ngừng hoạt động.

5.5. Về giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải nhựa, phòng, chống ô nhiễm rác thải nhựa đại dương

UBND tỉnh An Giang đã ban hành các kế hoạch, văn bản triển khai, cụ thể như sau: Công văn số 192/UBND-KTN ngày 11/3/2021 về việc triển khai Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 20/8/2020 và Chỉ thị số 41/CT-TTg ngày 01/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 556/KH-UBND ngày 13/9/2021 về tăng cường công tác quản lý chất thải nhựa trên địa bàn tỉnh.

UBND tỉnh cũng đã ban hành Kế hoạch số 313/KHUBND ngày 24/4/2023, Kế hoạch số 385/KH-UBND ngày 11/4/2024 để triển khai thí điểm xây dựng mô hình phân loại CTRSH trên địa bàn thành phố Long Xuyên và thành phố Châu Đốc (lồng ghép phân loại, thu gom, tái chế, tái sử dụng chất thải nhựa) và nhằm để nhân rộng việc triển khai mô hình phân loại CTRSH trên địa bàn toàn tỉnh. Bên cạnh đó, đã ban hành Kế hoạch số 752/KH-UBND ngày 31/7/2024 về việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2025 và định hướng đến năm 2030 (lồng ghép phân loại, thu gom, tái chế, tái sử dụng chất thải nhựa). Bên cạnh đó, để kịp thời thực hiện có hiệu quả công tác phân loại CTRSH tại nguồn trên địa bàn tỉnh An Giang (lồng ghép phân loại, thu gom, tái chế, tái sử dụng chất thải nhựa), Sở Nông nghiệp và Môi trường đã chủ động xây dựng dự thảo kế hoạch thực hiện trên cơ sở đăng ký nhu cầu, kinh phí thực hiện của UBND cấp huyện, gửi Sở Tài chính thẩm định kinh phí thực hiện trước khi trình UBND tỉnh An Giang phê duyệt, để tổ chức thực hiện.

Ngoài ra, hàng năm Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với UBND cấp huyện có các xã điểm nông thôn mới kiểm tra, giám sát, hướng dẫn thực

hiện các mô hình bảo vệ môi trường như: phân loại, thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn (lồng ghép thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải nhựa), cụ thể: đảm bảo triển khai thực hiện đạt tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn (lồng ghép thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định) (đạt $\geq 50\%$ đối với xã đạt chuẩn nông thôn mới và đạt $\geq 70\%$ đối với xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao).

6. Về công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán về bảo vệ môi trường; đấu tranh phòng, chống tội phạm về môi trường; giải quyết khiếu nại, tố cáo (phân tích, đánh giá kết quả trong 3 năm 2022 - 2024, so sánh đối chiếu với kết quả giai đoạn 2016 - 2021)

- Công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán về bảo vệ môi trường; kết quả xử lý sai phạm:

(1) Thanh tra tỉnh An Giang thường xuyên triển khai, phối hợp với các cơ quan có liên quan tuyên truyền về bảo vệ môi trường đến công chức, người lao động cơ quan để hình thành và phát triển lối sống xanh, chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, góp phần chủ động phòng ngừa, kiểm soát, ngăn chặn các tác động xấu lên môi trường sống.

(2) Công tác kiểm tra, thanh tra của lực lượng Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường):

Hàng năm, thực hiện theo hướng dẫn xây dựng kế hoạch thanh tra của Thanh tra Chính phủ, Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thanh tra tỉnh; định hướng chương trình công tác của Sở Tài nguyên và Môi trường, Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp các phòng, đơn vị rà soát công tác quản lý nhà nước lập danh mục đối tượng thanh tra, kiểm tra lĩnh vực bảo vệ môi trường, tham mưu Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản gửi Thanh tra tỉnh An Giang để phối hợp xử lý chồng chéo về đối tượng trên địa bàn tỉnh làm cơ sở phê duyệt danh mục thanh tra, kiểm tra hàng năm để thực hiện. Kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm được ban hành đảm bảo thời gian, chủ động trong công tác triển khai thực hiện; nội dung thanh tra, kiểm tra được thực hiện theo hướng trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào các tồn tại bức xúc được dư luận quan tâm. Qua thanh tra, kiểm tra hàng năm đã kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm đối với các hành vi vi phạm.

Ngoài thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch, đã tổ chức thực hiện thanh tra, kiểm tra chuyên ngành đột xuất khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật; theo yêu cầu của việc giải quyết khiếu nại, tố cáo hoặc chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

Trong 03 năm 2022-2024, Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường đã triển khai 07 cuộc kiểm tra với 59 Dự án, cơ sở. Cụ thể: Năm 2022: 03 cuộc với 31 Dự án, cơ sở²⁵; Năm 2023: 02 cuộc với 7 Dự án, cơ sở²⁶; Năm 2024: 02 cuộc với

²⁵ 01 cuộc kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu khắc phục của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang về bảo vệ môi trường và tài nguyên nước đối với 02 Dự án; 01 cuộc kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước, thủy sản, chăn nuôi đối với các dự án, cơ sở đã được phê duyệt thủ tục hành chính

21 Dự án, cơ sở²⁷.

Qua kiểm tra, đơn vị đã ban hành văn bản thông báo kết quả kiểm tra yêu cầu chấn chỉnh, khắc phục và báo cáo bằng văn bản về kết quả khắc phục. Đồng thời đã tham mưu người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính 02 trường hợp, với tổng số tiền phạt là 1.480.000.000 đồng²⁸.

Thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn theo chỉ đạo đột xuất của UBND tỉnh An Giang, rà soát kết quả kiểm tra, quá trình thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đã tham mưu, đề xuất người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với 02 trường hợp, với tổng số tiền là: 870.000.000 đồng²⁹

So với giai đoạn năm 2016 - 2021 thì số cuộc; đối tượng thanh tra, kiểm tra; số vụ vi phạm có giảm, tuy nhiên số tiền phạt theo từng vụ vi phạm có tăng lên do mức phạt theo Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ tăng so với Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ, cụ thể như sau:

Nội dung	Giai đoạn 2022 - 2024	Giai đoạn 2016 – 2021
Số cuộc	07 (kiểm tra)	12 (02 Thanh tra, 10 kiểm tra)
Số đối tượng	59	399
Xử phạt VPHC qua thanh tra, kiểm tra	02 trường hợp, 1.480.000.000 đồng	02 trường hợp, 270.000.000 đồng
Xử phạt VPHC qua thực hiện nghiệp vụ chuyên môn	02 trường hợp, 870.000.000 đồng	06 trường hợp, 2.521.000.000 đồng

về môi trường đối với 25 dự án/cơ sở; 01 cuộc kiểm tra kiểm tra công tác quản lý chất thải nguy hại đối với 04 dự án/cơ sở.

²⁶ 01 cuộc kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường và tài nguyên nước đối với 02 Dự án; 01 cuộc kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các dự án, cơ sở đã được phê duyệt thủ tục hành chính về môi trường đối với 05 Dự án.

²⁷ 01 cuộc kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường và tài nguyên nước đối với 01 Dự án; 01 cuộc kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các dự án, cơ sở đã được phê duyệt thủ tục hành chính về môi trường đối với 20 Dự án.

²⁸ Cụ thể: Quyết định số 125/QĐ-XPHC ngày 25/11/2022 của UBND tỉnh An Giang đối với Công ty TNHH MTV Nuôi trồng thủy sản Nam Việt Bình Phú, tổng số tiền phạt là: 800.000.000 đồng. Hành vi: xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 100m³/ngày (24 giờ) đến dưới 200m³/ngày (24 giờ); xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 400 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 600m³/ngày (24 giờ); Quyết định số 02/QĐ-XPVPHC ngày 05/01/2023 của UBND tỉnh An Giang đối với Công ty TNHH Phát triển Lộc Kim Chi, tổng số tiền phạt là: 680.000.000 đồng. Hành vi: không có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định đối với Dự án đầu tư, cơ sở phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Tài nguyên và Môi trường; xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 200 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 400 m³/ngày (24 giờ).

²⁹ Cụ thể: Quyết định số 42/QĐ-XPVPHC ngày 16/5/2024 của UBND tỉnh An Giang đối với Công ty TNHH Nông nghiệp Trường Hải An Giang tổng số tiền phạt là: 570.000.000 đồng. Hành vi: không có giấy phép môi trường theo quy định đối với cơ sở đang hoạt động thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 03 lần, trong trường hợp thải lượng nước thải từ 40 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 60 m³/ngày (24 giờ); Quyết định số 59/QĐ-XPHC ngày 30/7/2024 của UBND tỉnh An Giang đối với Công ty Cổ phần Điện Nước An Giang, tổng số tiền phạt là: 300.000.000 đồng. Hành vi: không có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định, đối với trường hợp triển khai xây dựng dự án đầu tư phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh).

(3) Công tác kiểm tra của lực lượng Công an tỉnh An Giang:

Theo báo cáo của Công an tỉnh An Giang: từ năm 2016 đến năm 2021: kiểm tra, phát hiện 2.010 vụ (1.867 cá nhân, 107 tổ chức) vi phạm về bảo vệ môi trường. Kết quả, đã xử phạt vi phạm hành chính 1.376 vụ (1.206 cá nhân, 17 tổ chức) với số tiền 12.729.934.000 đồng; số vụ vi phạm còn lại, nhắc nhở và cho cam kết không tái phạm. Từ năm 2022 đến năm 2024: kiểm tra, phát hiện 607 vụ (553 cá nhân, 73 tổ chức) vi phạm về bảo vệ môi trường. Kết quả, đã xử phạt vi phạm hành chính 302 vụ (319 cá nhân, 16 tổ chức) với số tiền 4.908.633.000 đồng, so với giai đoạn 2016 - 2021 giảm 69,8% (607 vụ/2.010 vụ); số vụ vi phạm còn lại, nhắc nhở và cho cam kết không tái phạm.

(4) Công tác kiểm tra của địa phương cấp huyện³⁰: Trong kỳ báo cáo, đa số các địa phương cấp huyện xây dựng kế hoạch kiểm tra công tác bảo vệ môi trường hàng năm. Qua đó đã tổ chức kiểm tra công tác bảo vệ môi trường với hơn 1.472 cơ sở, doanh nghiệp. Ngoài ra, kiểm tra theo phản ánh cử tri, người dân theo đường dây nóng đối với 02 công ty³¹. Xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực môi trường với số tiền là 369 triệu đồng³²

+ Công tác kiểm toán: Tỉnh An Giang đang triển khai thực hiện 02 kết luận Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX liên quan đến lĩnh vực môi trường gồm:

(1) Báo cáo kiểm toán Chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2023: trên cơ sở kết luận tại Báo cáo kiểm toán, UBND tỉnh An Giang giao Sở Tài chính đôn đốc các đơn vị thực hiện, tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh An Giang báo cáo theo yêu cầu kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX tại Báo cáo số 1447/BC-UBND ngày 27/12/2024. Theo đó, các cơ quan, đơn vị liên quan đã xử lý về tài chính 7.899,6 triệu đồng, đạt tỷ lệ 28,97% so với kiến nghị của Kiểm toán nhà nước (27.266 triệu đồng). Đồng thời, đã thực hiện các kiến nghị về chấn chỉnh, rút kinh nghiệm trong công tác quản lý, sử dụng kinh phí bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

(2) Báo cáo kiểm toán hoạt động quản lý môi trường tại các Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp giai đoạn 2021-2023 tỉnh An Giang: trên cơ sở kết luận tại Báo cáo kiểm toán, UBND tỉnh An Giang giao Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị được kiểm toán thực hiện nghiêm các nội dung theo kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX; tổng hợp và tham mưu UBND tỉnh An Giang phê duyệt báo cáo kết quả thực hiện trình Kiểm toán nhà nước khu vực IX trước ngày 21/3/2025.

- Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm về môi trường; kết quả xử lý sai phạm:-/-.

³⁰ Số liệu được tổng hợp từ báo cáo của các huyện: Tri Tôn, Châu Thành, An Phú, Phú Tân, Châu Phú, Thoại Sơn, Chợ Mới, thị xã Tân Châu và thành phố Châu Đốc; các địa phương còn lại chưa nhận được số liệu báo cáo.

³¹ Công ty TNHH SX TM và DV Hải Thuận và Công ty TNHH Giồng – chăn nuôi Việt Thắng An Giang

³² Huyện Thoại Sơn: Công ty TNHH chế biến thủy sản Hùng Long 365 triệu đồng; Huyện An Phú: 02 trường hợp tổng số tiền 1,5 triệu đồng; Huyện Chợ Mới: 01 trường hợp tổng số tiền: 2,5 triệu đồng.

- Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo về môi trường:

+ Công tác tiếp nhận đơn thư, tiếp dân được thực hiện tốt, đã bố trí cán bộ tiếp dân thường xuyên. Trong quá trình tiếp dân, cán bộ tiếp dân đã tuyên truyền, vận động và giải thích cho công dân chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, hướng dẫn người dân thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo đúng quy định pháp luật; công tác xử lý đơn, thư được tăng cường nhằm đảm bảo thời gian theo quy định. Đa số các đơn thư phản ánh về môi trường thuộc thẩm quyền của địa phương và lực lượng công an.

(1) Lực lượng Công an tỉnh An Giang: từ năm 2016-2021 đã tiếp nhận 29 đơn; đã xác minh, xử lý 29 đơn và từ năm 2022-2024 đã tiếp nhận 26 đơn, đã kiểm tra, xử lý 26 đơn.

(2) Địa phương cấp huyện³³: đã tiếp nhận 51 đơn thư kiến nghị, phản ánh của người dân về các vấn đề ô nhiễm môi trường. Tất cả kiến nghị, phản ánh đều được giải quyết.

+ Công tác tiếp nhận, xử lý qua đường dây nóng và kênh thông tin liên quan:

(1) Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp nhận, xử lý 48/48 phản ánh liên quan vấn đề rò rỉ nước thải, chất thải ra môi trường³⁴ qua đường dây nóng, các kênh thông tin liên quan như: Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh An Giang, Ban tiếp công dân tỉnh An Giang, Cổng dịch vụ công,...việc tiếp nhận, xử lý kịp thời thông tin đường dây nóng về ô nhiễm môi trường góp phần giải quyết vụ việc nhanh hơn, đảm bảo trình tự và thẩm quyền theo quy định.

(2) Tiếp nhận tin phản ánh qua số điện thoại của đồng chí Giám đốc Công an tỉnh An Giang: 28 tin; đã xác minh trả lời 28 tin (giai đoạn năm 2016-2021: 14 tin; giai đoạn năm 2022-2024: 14 tin).

7. Về việc tổ chức và phát triển thị trường các-bon, trong đó có nội dung trao đổi tín chỉ các-bon rừng; việc thực hiện cam kết quốc tế về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và triển khai các giải pháp chống xâm nhập mặn, sạt lở bờ sông, bờ biển trên địa bàn các địa phương ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long

7.1. Về tổ chức phát triển thị trường các-bon, trong đó có nội dung trao đổi tín chỉ các-bon rừng:

Tỉnh An Giang đang triển khai một số công việc sau: (1) phê duyệt Đề án giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng: rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2025 và thực hiện nghiên cứu, rà soát sửa đổi, bổ sung, xây dựng mới các cơ chế chính sách về phát triển lâm nghiệp bền vững, cải thiện sinh kế của người dân làm nghề rừng, (2) Các chủ rừng trên địa bàn tỉnh tiến hành xây dựng các Phương án quản lý rừng bền vững và Chứng chỉ rừng giai đoạn 2019-2030

³³ Số liệu được tổng hợp từ báo cáo của các huyện: Tri Tôn, Châu Thành, An Phú, Phú Tân, Châu Phú, Thoại Sơn, Chợ Mới, thị xã Tân Châu và thành phố Châu Đốc; các địa phương còn lại chưa nhận được số liệu báo cáo.

³⁴ Năm 2022: tiếp nhận, xử lý 09/09 phản ánh; Năm 2023: tiếp nhận, xử lý 22/22 phản ánh; Năm 2024: tiếp nhận, xử lý 17/17 phản ánh.

thuộc khu vực được UBND tỉnh An Giang giao, cho thuê rừng và đất rừng, (3) xây dựng và nhân rộng các mô hình trồng xen canh, trồng cây được liệu dưới tán rừng đồi núi.

7.2. Việc thực hiện cam kết quốc tế về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính

Các ngành nông nghiệp, công thương và môi trường theo chức năng, nhiệm vụ được giao lồng ghép việc tuyên truyền giảm nhẹ phát thải khí nhà kính vào thực hiện nhiệm vụ ngành, cụ thể:

- Ngành môi trường tham mưu UBND tỉnh An Giang thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về ứng phó với biến đổi khí hậu theo quy định của Luật BVMT như: Đề án truyền thông nâng cao năng lực, nhận thức về biến đổi khí hậu cho cán bộ và cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh An Giang đến năm 2025; Kế hoạch kiểm kê khí nhà kính và đề xuất các giải pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trên địa bàn tỉnh An Giang; Báo cáo đánh giá tác động, tính dễ tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh An Giang; triển khai thực hiện Quyết định số 13/2024/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính,...

- Ngành nông nghiệp thực hiện tuyên truyền bằng hình thức lồng ghép vào các lớp tập huấn về kinh tế tập thể, hợp tác xã, Đề án phát triển bền vững 1 triệu ha lúa chất lượng cao (11 lớp, 397 đại biểu); dự báo về tình hình sâu bệnh hại trên cây trồng hàng tuần trên Đài Phát thanh và truyền hình An Giang; xây dựng Bản tin thời tiết nông vụ (12 bản tin dự báo tháng, 36 bản tin dự báo 10 ngày).

- Ngành công thương tổ chức 01 lớp tập huấn “Kiểm kê phát thải khí nhà kính” trong lĩnh vực năng lượng (80 học viên); 02 Hội nghị “Tăng cường tiết kiệm điện giai đoạn 2023-2025 và các năm tiếp trên địa bàn tỉnh An Giang”; Hưởng ứng Chiến dịch giờ Trái đất năm 2022-2024.

7.3. Việc triển khai các giải pháp chống xâm nhập mặn, sạt lở bờ sông, bờ biển trên địa bàn các địa phương ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long:

- Việc triển khai các giải pháp chống xâm nhập mặn:

- + UBND tỉnh An Giang chỉ đạo ngành nông nghiệp thường xuyên phối hợp với địa phương khảo sát hạn mặn; tham mưu UBND tỉnh và Ban Chỉ huy Ứng phó Biến đổi khí hậu - Phòng, chống thiên tai và Phòng thủ dân sự tỉnh (BCH UPBĐKH-PCTT PTDS) ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành triển khai các giải pháp cấp bách cần thực hiện để ứng phó hạn, mặn trên địa bàn tỉnh An Giang³⁵.

³⁵ Kế hoạch phòng, chống hạn, kiệt phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh, mùa khô năm 2024 trên địa bàn tỉnh An Giang tại Quyết định số 04/QĐ-BCH ngày 02/02/2024 của BCH UPBĐKH-PCTT PTDS tỉnh; Công văn số 01/BCH-PCTT ngày 12/01/2024 của UPBĐKH-PCTT PTDS tỉnh về việc triển khai công tác phòng, chống hạn kiệt, mực nước hạ thấp phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh mùa khô năm 2023-2024 do cấp tỉnh quản lý; Công văn số 179/UBND-KTN ngày 16/02/2024 của UBND tỉnh An Giang về việc tăng cường thực hiện các giải pháp phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh mùa khô năm 2023-2024; Công văn số 277/UBND-KTN ngày 11/03/2024 của UBND tỉnh An Giang về việc tập trung ứng phó đợt xâm nhập mặn cao điểm tại Đồng bằng sông Cửu Long; Công văn số 1252/VPUBND-KTN ngày 18/03/2024 của Văn Phòng UBND tỉnh An Giang về việc tăng cường các giải pháp ứng phó với cao điểm xâm

+ Thông qua khảo sát các kênh, rạch giáp ranh với tỉnh Kiên Giang (khu vực huyện Thoại Sơn) có độ mặn dao động từ 0.21‰ đến 0.26‰. Với độ mặn dao động ở mức từ 0.21‰ đến 0.26‰ và việc vận hành các công kiểm soát mặn, đập tam ngăn mặn của tỉnh Kiên Giang, nên chưa ảnh hưởng lớn đến sản xuất và dân sinh trên địa bàn tỉnh An Giang (độ mặn cao nhất tại các khu vực giáp ranh tỉnh Kiên Giang năm 2023-2024 ghi nhận là 0.26‰, năm 2019-2020 là 0.30‰, năm 2015-2016 là 1,1-1,9‰).

+ Công tác phòng, chống hạn, mặn được Tỉnh An Giang quan tâm thực hiện thời gian qua, cụ thể: các địa phương chủ động bố trí các nguồn kinh phí để thực hiện nạo vét kênh mương phục vụ cấp nước cho hoạt động sản xuất và dân sinh; các đơn vị khai thác công trình thủy lợi từng bước vận hành các công trình để điều tiết trữ nước phục vụ tưới; thường xuyên tuyên truyền người dân tranh thủ các thời điểm triều lên để bơm, trữ nước nhằm giảm chi phí, sử dụng nguồn nước hợp lý; phối hợp với tỉnh Kiên Giang thực hiện tốt công tác vận hành công và xây dựng các đập tam để kiểm soát mặn ven biển Tây, giúp kiểm soát tốt mặn cho vùng Tứ giác Long Xuyên đảm bảo không ảnh hưởng đến sản xuất của hai tỉnh Kiên Giang và An Giang.

- Việc triển khai các giải pháp sạt lở bờ sông:

+ Từ đầu năm 2024 đến ngày 22/10/2024: trên địa bàn tỉnh xảy ra 52 vụ sạt lở, sụp lún đất bờ sông, kênh, rạch, chiều dài 1.661m, ảnh hưởng 42 căn nhà trên địa bàn 09/11 huyện, thị xã, thành phố³⁶; giá trị thiệt hại về đất khoảng 1.650 triệu đồng. UBND tỉnh An Giang đã hỗ trợ địa phương khắc phục hậu quả sạt lở từ nguồn Quỹ Phòng, chống thiên tai, di dời nhà do sạt lở và gia cố sạt lở tại các huyện: An Phú, Châu Thành, các thị xã Tân Châu, Tịnh Biên, các thành phố Châu Đốc, Long Xuyên và Công ty TNHH Một thành viên Khai thác thủy lợi An Giang với tổng kinh phí là 10.067 triệu đồng; hỗ trợ từ nguồn hỗ trợ sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi và nguồn kinh phí hỗ trợ phát triển đất trồng lúa hỗ trợ xử lý công trình sạt lở ở các huyện: Phú Tân, Tri Tôn với tổng kinh phí là 7.702 triệu đồng.

+ Tỉnh An Giang đã triển khai đồng bộ các giải pháp ứng phó, khắc phục khi có sạt lở xảy ra theo quy định tại Điều 6 Quyết định số 01/2011/QĐ-TTg ngày 04/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế xử lý sạt lở bờ sông, bờ biển và Điều 12 của Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng, chống thiên tai và Luật đê điều, cụ thể: huy động lực lượng, phương tiện và các nguồn lực để cứu hộ, cứu nạn; tổ chức cấp cứu kịp thời người bị nạn; sơ tán, di dời khẩn cấp

nhập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long; Công văn số 1947/VPUBND-KTN ngày 22/4/2024 của UBND tỉnh An Giang về việc tăng cường thực hiện các biện pháp phòng, chống nắng nóng, hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn; Công văn số 415/UBND-KTN ngày 05/4/2024 của UBND tỉnh An Giang về việc tăng cường thực hiện các biện pháp phòng, chống nắng nóng, hạn hán thiếu nước, xâm nhập mặn.

³⁶ Huyện An Phú: 10 vụ, dài 262m; huyện Chợ Mới: 01 vụ, dài 40m; huyện Tri Tôn: 06 vụ, dài 540m; huyện Châu Phú: 16 vụ, dài 391m; Long Xuyên: 02 vụ, dài 73m; thị xã Tân Châu: 11 vụ, dài 211m; huyện Phú Tân: 04 vụ, dài 117m; huyện Thoại Sơn: 01 vụ, dài 12m; huyện Châu Thành: 01 vụ, dài 15m.

người, tài sản ra khỏi khu vực sạt lở và có nguy cơ sạt lở cao để đảm bảo an toàn, tính mạng, tài sản của Nhà nước và nhân dân; bố trí đảm bảo hậu cần cho nhân dân tại nơi sơ tán; thực hiện kiểm tra, quan trắc, thông báo, cấm biển cảnh báo, khoanh vùng ngăn không cho người, phương tiện vào khu vực sạt lở, bố trí cán bộ trực canh theo dõi chặt chẽ diễn biến sạt lở, điều tiết giao thông thủy, bộ; tổ chức việc tiếp nhận, cấp cứu, khám, chữa bệnh, cấp phát thuốc miễn phí cho nhân dân; huy động mọi nguồn lực (bao gồm cả nguồn lực từ Quỹ phòng, chống thiên tai) để xử lý khẩn cấp sự cố công trình phòng chống thiên tai, sự cố công trình xây dựng do thiên tai; thực hiện đúng chế độ báo cáo nhanh; tăng cường công tác kiểm tra, xử lý các vi phạm các hoạt động khai thác cát sỏi, phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, phòng, chống thiên tai và đề điều, đặc biệt là các hành vi vi phạm như: tự ý đào đất lòng kênh, lấp đất mặt đề để đắp nền nhà, đắp sân của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân; xây dựng nhà ở, kho tàng, bến bãi vi phạm hành lang bảo vệ bờ sông, kênh, rạch, lấn chiếm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai và đề điều, dẫn đến gia tăng nguy cơ sạt lở...; trồng cây xanh bảo vệ mái kênh, cơ đê, mái đê tại những nơi có điều kiện phù hợp, các loại cây như: tre, tràm, bạch đàn, bần, cỏ...; nghiên cứu làm đường tránh qua khu vực có khả năng sạt lở cao, sạt lở nhiều đoạn, không đảm bảo ổn định lâu dài, kinh phí gia cố, khắc phục lớn.

Ngoài ra, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thực hiện quan trắc, cảnh báo sạt lở định kỳ 02 lần/năm và đo đạc, cảnh báo sạt lở đột xuất nhằm làm cơ sở để cảnh báo kịp thời cho địa phương trong sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt. Trên cơ sở kết quả quan trắc cảnh báo sạt lở, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện cắm mốc trên thực địa khoanh vùng các khu vực có nguy cơ sạt lở (khu vực nguy hiểm và khu vực an toàn) cho các đoạn được cảnh báo. Đồng thời, tất cả các đoạn cảnh báo sạt lở và thông số cảnh báo của 56 đoạn cảnh báo sạt lở được quan trắc thể hiện trên website: <https://satlo.angiang.gov.vn/> để các ngành, địa phương và người dân biết chủ động cộng tác phòng, tránh.

8. Về một số nội dung khác:

- Công tác giáo dục, truyền thông, phổ biến kiến thức pháp luật về bảo vệ môi trường:

Trên cơ sở Kế hoạch triển khai thi hành Luật BVMT trên địa bàn tỉnh An Giang, hàng năm các cơ quan, đơn vị và địa phương xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục, truyền thông, phổ biến kiến thức hoạt động bảo vệ môi trường. Trong giai đoạn 2022-2024 trên địa bàn tỉnh đã tổ chức các hoạt động tuyên truyền như: tổ chức hơn 256 lớp tập huấn, hội nghị, hội thảo cho hơn 13.130 lượt người thuộc nhiều nhóm đối tượng tham gia (năm 2022: 40 lớp, 3.073 lượt; năm 2023: 161 lớp, 8.566 lượt; năm 2024: 55 lớp, 4.491 lượt); đưa khoảng 9.469 lượt tin, bài, phóng sự; phát hơn 64.770 tài liệu bướm, 6.400 quyển sổ tay; tổ chức và duy trì khoảng 320 mô hình cộng đồng tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường do các tổ chức chính trị-xã hội thực hiện;...

Hàng năm, đã chỉ đạo, tổ chức thực hiện các sự kiện quan trọng về môi trường như: Tháng hành động vì môi trường hưởng ứng Ngày Môi trường thế

giới; Chiến dịch Làm cho thế giới sạch hơn. Trong giai đoạn năm 2022-2024 thông qua các sự kiện đã thu hút hơn 126.650 lượt người dân trên địa bàn tỉnh tham gia các hoạt động như: thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; khơi thông cống rãnh, quét dọn vệ sinh môi trường, chăm sóc cây xanh,...

Ngoài ra, UBND tỉnh đã ban hành 02 Chương trình phối hợp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2023³⁷ và giai đoạn 2024-2026³⁸ tập trung vào công tác giáo dục, phổ biến, tuyên truyền kiến thức pháp luật bảo vệ môi trường, với hơn 15 đơn vị phối hợp thực hiện. Chương trình nhận được sự ủng hộ cao của các đơn vị tham gia và tạo sức lan tỏa mạnh mẽ trong tuyên truyền bảo vệ môi trường trên phạm vi toàn tỉnh.

- Cải cách thủ tục hành chính lĩnh vực môi trường:

Trong giai đoạn 2022-2024: công tác thẩm định thủ tục hành chính về môi trường của Tỉnh An Giang được thực hiện tốt, đặc biệt không để xảy ra hồ sơ trễ hạn. Tổng hồ sơ phải thực hiện là 631 lượt hồ sơ (năm 2022: 53 lượt hồ sơ, năm 2023: 91 lượt hồ sơ, năm 2024: 487 lượt hồ sơ).

Nhằm đẩy mạnh giải quyết thủ tục hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện môi trường kinh doanh, đồng thời cải thiện chỉ số hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, ngành tài nguyên và môi trường của tỉnh đã thực hiện mô hình “Tăng thêm 30 phút vì người dân, doanh nghiệp” năm 2024, trong đó có thủ tục hành chính lĩnh vực môi trường.

II. Tồn tại, hạn chế trong triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về BVMT

1. Tồn tại, hạn chế

1.1. Về bố trí và sử dụng nguồn lực cho bảo vệ môi trường:

- Nguồn lực huy động xã hội hóa cho công tác bảo vệ môi trường chưa cao do thiếu cơ chế, chính sách đột phá, thu hút trong việc huy động, khuyến khích cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia trong công tác xã hội hóa bảo vệ môi trường.

- Còn khó khăn, vướng mắc về nội dung chi, định mức chi cho công tác thẩm định thủ tục hành chính về môi trường, đặc biệt là quy định về định mức chi cho khâu mời chuyên gia có kinh nghiệm lĩnh vực môi trường tham gia các hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường.

- Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường mặc dù đã được bố trí từ cấp tỉnh, huyện, xã tuy nhiên lực lượng còn mỏng, kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ nên đôi lúc chưa thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ về bảo vệ môi trường trên địa bàn.

³⁷ Quyết định số 1214/QĐ-UBND ngày 04/6/2021 của UBND tỉnh An Giang về Chương trình phối hợp Bảo vệ môi trường tỉnh An Giang giai đoạn 2021–2023.

³⁸ Chương trình số 404/CTr-UBND ngày 19/4/2024 của UBND tỉnh An Giang về Chương trình phối hợp Bảo vệ môi trường tỉnh An Giang giai đoạn 2024–2026.

- Cơ cấu tổ chức, cơ chế hoạt động và cơ chế tài chính cho Quỹ Bảo vệ môi trường địa phương chưa được Trung ương hướng dẫn cụ thể để thực hiện thống nhất, đồng bộ.

1.2. Về triển khai các chính sách, pháp luật về phòng ngừa ô nhiễm môi trường

- Công tác triển khai các nhiệm vụ trong Phương án bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học; khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên; phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu trong Quy hoạch tỉnh còn chậm so với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Chưa quy định rõ việc tổ chức thực hiện mua, bán bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo khoản 1 Điều 140 Luật BVMT.

1.3. Về triển khai các chính sách, pháp luật về kiểm soát ô nhiễm

- Những tồn tại về kiểm soát ô nhiễm đối với các Khu/cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh đã được Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX kiến nghị tại Báo cáo kiểm toán hoạt động quản lý môi trường tại các Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp giai đoạn 2021-2023 tỉnh An Giang ban hành ngày 18/12/2024 với một số tồn tại như: chưa hoàn thành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường tại 09 cụm công nghiệp, chưa kịp thời xây dựng, ban hành và sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách liên quan đến hoạt động quản lý môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang, công tác tham mưu UBND tỉnh An Giang trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt mở rộng CCN Vĩnh Bình, CCN Bình Đức khi chưa có đồ án quy hoạch phân khu xây dựng, chưa có Quyết định thành lập cụm công nghiệp, mật độ xây dựng tối thiểu về cây xanh chưa đảm bảo theo quy định...

- Hạ tầng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường tại 29 làng nghề trên địa bàn tỉnh chưa đảm bảo quy định tại Điều 59 Luật BVMT.

- Chưa hoàn thành công tác xử lý các khu, điểm, cơ sở gây ô nhiễm môi trường nằm trong Danh mục được UBND tỉnh An Giang ban hành qua các năm.

- Trung ương chưa ban hành quy định kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật phục vụ công tác lập nhiệm vụ xây dựng kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt sông, hồ nội tỉnh; kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí để địa phương làm cơ sở thuyết minh với cơ quan thẩm định, kiểm tra, kiểm toán.

1.4. Về thực hiện các nội dung về quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường (theo quy định tại Điều 168 của Luật Bảo vệ môi trường)

Các tồn tại về quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường đã được phân tích chi tiết theo các mục 1.1, 1.2, 1.3, 1.5, 1.6, 1.7 thuộc mục II.1 Phần I của Báo cáo này.

1.5. Về công tác quản lý chất thải

- Về quản lý CTRSH:

+ Tỷ lệ người dân đóng phí thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt chưa đảm bảo nhu cầu cho công tác thu gom, vận chuyển.

+ Công tác phân loại chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của Luật BVMT mặc dù đã được triển khai nhưng đang ở mức mô hình thí điểm, chưa thực sự đi vào chiều sâu trong đời sống cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh.

- Về quản lý chất thải nông nghiệp:

+ Chăn nuôi nhỏ lẻ vẫn tồn tại, chất thải phát sinh phân tán nếu không được xử lý theo quy định sẽ tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, phản ánh của cộng đồng dân cư xung quanh.

+ Kinh phí thu gom, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng lớn; cơ quan chuyên môn cấp Trung ương chưa ban hành các hướng dẫn chi tiết việc thu gom, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật phát sinh trong hoạt động nông nghiệp theo quy định tại điểm c khoản 4 và điểm b khoản 6 Điều 65 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Về quản lý chất thải y tế:

+ Kinh phí đầu tư xây dựng, vận hành, sửa chữa hệ thống xử lý nước thải y tế cao, đặc biệt là các trạm y tế, phòng khám đa khoa khu vực có quy mô nước thải phát sinh rất ít.

+ Hạ tầng giao thông chưa đảm bảo cho các xe chuyên dụng thu gom, vận chuyển chất thải y tế nguy hại phát sinh tại các trạm y tế, cơ sở y tế vào thu gom, vận chuyển theo quy định.

1.6. Về công tác kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường và đấu tranh phòng, chống tội phạm về môi trường

Nghị định số 45/2022/NĐ-CP của Chính phủ mặc dù có quy định về xử phạt đối với hành vi gây ô nhiễm tiếng ồn, nhưng việc xử phạt đối với các hành vi vi phạm liên quan đến hộ gia đình như hoạt động văn nghệ (sử dụng loa di động để hát karaoke) gặp nhiều khó khăn, do muốn xử lý kịp thời tiếng ồn trong hoạt động văn hóa (người dân hát karaoke) đòi hỏi phải được trang bị phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ để xác định tiếng ồn làm cơ sở xử phạt. Nhưng việc trang bị phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ chỉ quy định cho một số lực lượng, nếu thuê đơn vị có chức năng đo đạc thì việc xử phạt lại không kịp thời. Bên cạnh đó, hành vi này dễ bị đối tượng vi phạm chủ động điều chỉnh âm thanh dẫn đến việc đo đạc tiếng ồn không đảm bảo theo quy định.

1.7. Về tổ chức phát triển thị trường các-bon, trong đó có nội dung trao đổi tín chỉ các-bon rừng; việc thực hiện cam kết quốc tế về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và triển khai các giải pháp chống xâm nhập mặn, sạt lở bờ sông

Tình trạng sạt lở đất bờ sông, kênh rạch tiềm ẩn nhiều nguy cơ rủi ro đến tính mạng, tài sản của nhân dân và Nhà nước. Số vụ sạt lở gia tăng, đặc biệt là sạt lở đất bờ kênh rạch. Vì vậy, nguồn lực để thực hiện ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai do sạt lở còn gặp nhiều khó khăn, không đảm bảo nguồn lực đề

thực hiện gia cố, xử lý sạt lở, do đó cần huy động nhiều giải pháp và huy động nhiều nguồn lực tham gia.

2. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

2.1. Nguyên nhân của tồn tại về bố trí và sử dụng nguồn lực cho bảo vệ môi trường:

Chủ yếu do thiếu các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi cho các hoạt động có liên quan đến bố trí và sử dụng nguồn lực bảo vệ môi trường như đã báo cáo, phân tích tại mục I.1.1.1 và mục II.1.1.1 thuộc Phần II của Báo cáo này.

2.2. Nguyên nhân của tồn tại về triển khai các chính sách, pháp luật về phòng ngừa ô nhiễm môi trường:

- Do nhiều quy định mới lần đầu tiên ban hành nên địa phương chưa đủ kinh nghiệm, liên quan đến nhiều cơ quan, đơn vị nên cần thời gian nghiên cứu, phối hợp ban hành.

- Một số quy định của Luật BVMT về phòng ngừa ô nhiễm môi trường chưa rõ (đơn vị có chức năng bán bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường).

2.3. Nguyên nhân của tồn tại về triển khai các chính sách, pháp luật về kiểm soát ô nhiễm:

- Đối với công tác kiểm soát ô nhiễm tại các Khu/cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang:

+ Kinh phí đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung cho một cụm công nghiệp là rất lớn; một số cụm công nghiệp đã được thành lập nhiều năm trước đây có tỷ lệ lấp đầy đạt 100% nên không còn quỹ đất để đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Trong cụm công nghiệp chỉ có một doanh nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh đã có đầu tư hệ thống xử lý nước thải riêng cho dự án,... vì vậy không đủ công suất để xây dựng nhà máy xử lý nước thải tập trung.

- Đối với công tác kiểm soát ô nhiễm tại các làng nghề:

+ Các làng nghề quy mô nhỏ, hộ gia đình nằm xen kẽ trong các khu dân cư nên khó để quy hoạch tập trung, di dời và xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung theo quy định.

+ Nguồn kinh phí hỗ trợ xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung, di dời làng nghề có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường lớn.

2.4. Nguyên nhân của tồn tại về công tác quản lý chất thải:

- Chính sách, cơ chế đột phá về kêu gọi đầu tư cho công tác phân loại, thu gom, xử lý CTRSH để thu hút nhà đầu tư còn thiếu.

- Các nguyên nhân về ban hành hướng dẫn chi tiết thu gom, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật phát sinh trong hoạt động nông nghiệp từ Trung ương; kinh phí đầu tư công trình xử lý chất thải lĩnh vực y tế công lập lớn,...

2.5. Nguyên nhân của tồn tại về công tác kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường và đấu tranh phòng, chống tội phạm về môi trường:

Chủ yếu liên quan đến quy định quy định về phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ để xác định tiếng ồn.

3. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan

UBND tỉnh An Giang đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Văn bản số 2378/STNMT-MT ngày 12/7/2024 đề nghị các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện tiếp tục rà soát tham mưu các nội dung liên quan việc hoàn thiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường và đẩy mạnh việc tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường theo quy định và trách nhiệm được giao.

Đồng thời, thông qua 02 kết luận của Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX tại Báo cáo kiểm toán hoạt động quản lý môi trường tại các Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp giai đoạn 2021-2023 tỉnh An Giang và Báo cáo kiểm toán Chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2023 đã chỉ rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan trong công tác quản lý nhà nước bảo vệ môi trường. Từ đó, UBND tỉnh An Giang nghiêm túc và khẩn trương ban hành văn bản chỉ đạo các cơ quan, đơn vị và địa phương có liên quan nghiêm túc chấn chỉnh, rút kinh nghiệm, khắc phục tồn tại hạn chế và thực hiện đúng trách nhiệm quản lý nhà nước bảo vệ môi trường theo luật định.

III. Đánh giá chung về tình hình thực hiện Luật BVMT

- Kết quả đạt được:

UBND tỉnh An Giang luôn quan tâm chỉ đạo, điều hành, quản lý công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh. Trong đó, giao cho các cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan tham mưu tổ chức thực hiện:

Một số kết quả nổi bật như: (1) hệ thống văn bản quy phạm pháp luật bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền ban hành của HĐND, UBND tỉnh An Giang được luật giao đã được tham mưu ban hành tương đối đầy đủ đáp ứng yêu cầu công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; (2) công tác cải cách thủ tục hành chính về môi trường luôn được quan tâm thực hiện đảm bảo không có hồ sơ trễ hạn, cắt giảm thời gian giải quyết hồ sơ và kịp thời hỗ trợ nhà đầu tư, doanh nghiệp giải quyết các vấn đề pháp lý liên quan đến lĩnh vực môi trường theo quy định pháp luật; (3) các phản ánh dư luận xã hội liên quan đến môi trường được quan tâm, xử lý kịp thời; (4) kịp thời công bố cảnh báo nguy cơ ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh thông qua quan trắc môi trường theo Quy hoạch tỉnh, Quy hoạch quan trắc môi trường; (5) thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra bảo vệ môi trường để kịp thời phát hiện, nhắc nhở, xử lý đối với các cơ sở chưa thực hiện đúng quy định bảo vệ môi trường; (6) công tác giáo dục,

truyền thông, phổ biến kiến thức bảo vệ môi trường được thực hiện thường xuyên, liên tục, phong phú về nội dung, đa dạng về hình thức và rộng rãi trong quần chúng nhân dân; (7) đầu tư hạ tầng xử lý CTRSH như: đưa Nhà máy xử lý rác thải rắn thị trấn Mỹ Luông, huyện Chợ Mới đi vào hoạt động, đưa vào vận hành ô chôn lấp hợp vệ sinh số 02 - bãi rác Phú Thạnh, huyện Phú Tân, triển khai 02 mô hình phân loại rác thải tại nguồn tại thành phố Long Xuyên và thành phố Châu Đốc,...; (8) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học; khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên; phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu trong Quy hoạch tỉnh và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 làm cơ sở để các đơn vị tổ chức thực hiện, quản lý đúng quy định.

- Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân: đã được phân tích, làm rõ tại mục II Phần II của Báo cáo.

PHẦN III

KIẾN NGHỊ, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN VÀ THỰC HIỆN HIỆU QUẢ CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

I. Quan điểm, mục tiêu hoàn thiện và thực hiện hiệu quả chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường

1. Bối cảnh

Trong năm 2024, tình hình kinh tế - xã hội tỉnh An Giang có nhiều khởi sắc và tăng trưởng đáng kể, tạo nên khí thế mới, động lực mới trong tăng trưởng và phát triển. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) năm 2024 ước đạt 7,16%. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,67%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 12,73%; khu vực dịch vụ tăng 8,34%; thuế trừ trợ cấp tăng 2,51%. Về cơ cấu kinh tế năm 2024: khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 35,6%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 15,8%; khu vực dịch vụ chiếm 45,29%; thuế sản phẩm trừ trợ giá sản phẩm chiếm 3,31%. Kết quả thực hiện cụ thể như sau:

- Nông, lâm nghiệp và thủy sản

Toàn tỉnh đã xây dựng và phát triển mô hình chuỗi cung ứng nông lâm thủy sản an toàn với các chuỗi cung cấp thực phẩm an toàn theo VietGAP; hình thành vùng sản xuất chuyên canh, tập trung quy mô lớn đối với các sản phẩm chủ lực của tỉnh (thủy sản, trái cây, rau màu, lúa, nếp) gắn với liên kết, tiêu thụ theo chuỗi giá trị nông sản, đảm bảo chất lượng và nhu cầu thị trường.

Tăng trưởng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 3,67%, đạt kế hoạch năm 2024. Năm 2024, tỉnh đã triển khai thực hiện Đề án phát triển bền vững một triệu hécta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030 được 1.117 ha mô hình. Ngoài ra, năm 2024 tỉnh An Giang đã ban hành Quyết định công nhận 05 xã nông thôn mới, 05 xã nông thôn mới nâng cao, 02 xã nông thôn mới kiểu

mẫu và được Thủ tướng Chính phủ công nhận huyện Thoại Sơn là huyện nông thôn mới nâng cao.

- Công nghiệp và xây dựng

Tốc độ tăng trưởng kinh tế ngành công nghiệp và xây dựng năm 2024 tăng 12,73%. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 10,42% so với cùng kỳ. Tình hình sản xuất một số sản phẩm công nghiệp của tỉnh có nhiều khởi sắc, thị trường trong nước và quốc tế mở rộng. Khối lượng sản xuất một số sản phẩm chủ yếu trên địa bàn tỉnh trong năm 2024 tăng so với cùng kỳ; hạ tầng điện, năng lượng tái tạo được khuyến khích, tạo điều kiện phát triển.

Hoạt động xây dựng tăng trưởng ổn định, tập trung nguồn lực triển khai nhiều dự án, công trình, trọng điểm của tỉnh như Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng vượt tiến độ so với kế hoạch, Tuyến N1 và các công trình trọng điểm khác của tỉnh.

- Dịch vụ

Năm 2024, tốc độ tăng trưởng kinh tế ngành dịch vụ ước tăng 8,34%; doanh thu bán buôn, bán lẻ hàng hóa, dịch vụ ước năm 2024 đạt 228.274 tỷ đồng, tăng 15,31% so năm trước. Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn tỉnh ước đạt 1.220,6 triệu USD, tăng 3,54% so với năm 2023.

Năm 2024, toàn tỉnh đón khoảng 9,1 triệu lượt khách du lịch, tăng 7,06% so với cùng kỳ, trong đó có 25.000 lượt khách quốc tế, tăng 13,64% so cùng kỳ. Tỉnh đã tập trung kích cầu du lịch nội địa, đẩy mạnh xúc tiến đối với các thị trường khách du lịch quốc tế, nhằm điều chỉnh cơ cấu nguồn khách quốc tế của An Giang, hướng đến sự phát triển bền vững.

- Lĩnh vực văn hóa - an sinh xã hội

+ Y tế: công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân được thực hiện tốt, thuốc, vật tư y tế, trang thiết bị được đảm bảo, chất lượng đội ngũ y tế được nâng cao để chăm sóc sức khỏe người dân và thực hiện công tác giám sát phòng, chống tốt dịch bệnh.

+ Giáo dục và đào tạo: hệ thống trường lớp được củng cố về quy mô, đội ngũ được chuẩn hóa, chất lượng giáo dục từng bước phát triển theo định hướng đổi mới, từng bước thu hẹp khoảng cách, đảm bảo công bằng trong tiếp cận, thụ hưởng các điều kiện giáo dục, đáp ứng dần yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực xây dựng xã hội học tập.

+ Lĩnh vực lao động: toàn tỉnh tập trung thực hiện công tác bảo đảm an sinh xã hội cho người có công với cách mạng, người cao tuổi, các đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng có hoàn cảnh khó khăn,... Công tác giáo dục nghề nghiệp, lao động, việc làm được chú trọng đổi mới quy mô, hình thức tổ chức qua các Chương trình tập huấn, truyền thông, tuyên truyền tư vấn hướng nghiệp, khởi nghiệp với chủ đề “Thực học - Thực hành - Vững khởi nghiệp - Sáng tương lai”.

+ Văn hóa - Thể dục, thể thao: trong năm tổ chức tốt các hoạt động văn hóa - nghệ thuật, kỷ niệm các ngày lễ lớn của dân tộc, các sự kiện trọng đại của tỉnh

và đất nước, lễ hội truyền thống tại địa phương. Nhiều giá trị văn hóa truyền thống và di sản văn hóa được kế thừa, bảo tồn và phát huy. Thể dục, thể thao quần chúng và thành tích cao của tỉnh được quan tâm, phát triển và đạt nhiều kết quả trong năm 2024.

- Việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tỉnh An Giang theo Kế hoạch số 210-KH/TU ngày 23/12/2024 của Tỉnh ủy An Giang và Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 06/01/2025 của UBND tỉnh An Giang về Kế hoạch triển khai sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh An Giang là điều kiện thuận lợi trong việc giải quyết các vấn đề còn chồng chéo, khó khăn vướng mắc giữa các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh; tạo ra cơ hội để đội ngũ cán bộ, công chức có năng lực phát huy tinh thần trách nhiệm “vì nhân dân phục vụ” góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Quan điểm

- Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Luật BVMT.

- Bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, Quốc hội, Chính phủ; Quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; các chỉ đạo của Tỉnh ủy An Giang, HĐND tỉnh An Giang về công tác bảo vệ môi trường.

3. Mục tiêu

- Mục tiêu chung:

Đảm bảo các quy định pháp luật bảo vệ môi trường được thực hiện đúng, đầy đủ trên địa bàn tỉnh An Giang; không để xảy ra các vấn đề ô nhiễm môi trường nghiêm trọng gây dư luận xấu, ảnh hưởng đến đời sống nhân dân. Quá trình thực hiện công khai, minh bạch, dân chủ, khách quan và phải đi đôi với phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

- Mục tiêu cụ thể:

+ Tiếp tục xây dựng hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường trong đó: 100% các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của HĐND, UBND tỉnh An Giang được Luật giao được xây dựng và ban hành theo quy định.

+ Triển khai đầy đủ các quy định, chính sách pháp luật về phòng ngừa ô nhiễm môi trường; kiểm soát ô nhiễm môi trường; công tác quản lý chất thải.

+ Bố trí kịp thời, đầy đủ nguồn lực cho công tác bảo vệ môi trường.

+ Chấn chỉnh, rút kinh nghiệm triệt để đối với các tồn tại trong công tác quản lý nhà nước đã được kết luận tại các cuộc thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.

II. Giải pháp, kiến nghị

1. Giải pháp

1.1. Về xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường

- Tập trung xây dựng và trình HĐND tỉnh An Giang ban hành 02 Nghị quyết: (1) Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí

thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường do UBND tỉnh thực hiện thẩm định trên địa bàn tỉnh An Giang và (2) Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản do UBND tỉnh thực hiện thẩm định trên địa bàn tỉnh An Giang vào kỳ họp giữa năm 2025.

- Chỉ đạo, phân công các cơ quan chuyên môn tập trung nghiên cứu tham mưu ban hành các văn bản quy định thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh An Giang được Luật giao tại điểm đ khoản 3 Điều 8; điểm a khoản 3 Điều 14; điểm c khoản 5 Điều 51; điểm b và điểm c khoản 6 Điều 52; khoản 6 Điều 65; khoản 7 Điều 72; khoản 6 Điều 79; các điểm b, c và d khoản 5 Điều 86 Luật BVMT (theo Phụ lục 02).

1.2. Về tổ chức thực hiện

- Bố trí đầy đủ, kịp thời nguồn lực cho công tác bảo vệ môi trường. Trong đó, nghiên cứu, rà soát, đề xuất cơ chế, chính sách huy động nguồn lực xã hội hóa cho công tác bảo vệ môi trường; trái phiếu xanh; mua sắm xanh;...

- Triển khai có hiệu quả các chính sách, pháp luật về phòng ngừa ô nhiễm, kiểm soát ô nhiễm. Trong đó:

+ Nghiên cứu thực hiện nghiêm túc đối với các kiến nghị, kết luận của Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX.

+ Triển khai hiệu quả Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Phương án bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học; khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên; phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu trong Quy hoạch tỉnh và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh; cải cách thủ tục hành chính.

+ Tăng cường quản lý chất thải:

(1) Tăng cường công tác quản lý, kiểm soát chất thải rắn, trọng tâm là quản lý tốt chất thải rắn sinh hoạt, phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn.

(2) Tranh thủ sự ủng hộ nguồn vốn từ các Bộ, ngành Trung ương và các tổ chức quốc tế để thực hiện các dự án xử lý triệt để ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; công trình xử lý chất thải tập trung, hệ thống xử lý nước thải đô thị, hệ thống xử lý nước thải tập trung của các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

(3) Triển khai phân loại chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn toàn tỉnh An Giang; tiếp tục thực hiện các giải pháp xử lý chất thải rắn sinh hoạt, trước mắt duy trì công tác chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt hợp vệ sinh tại các khu xử lý chất thải của tỉnh An Giang.

(4) Giám sát chặt chẽ việc bảo vệ môi trường của các dự án đầu tư, cơ sở kinh doanh, các khu, điểm ô nhiễm môi trường; xử lý dứt điểm các cơ sở, khu điểm ô nhiễm môi trường.

+ Tiếp tục kiện toàn, xây dựng bộ máy tổ chức tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, hoàn

thiện cơ sở dữ liệu về môi trường; đẩy mạnh cải cách hành chính nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

+ Nâng cao chất lượng quan trắc, giám sát chất lượng môi trường và cảnh báo các sự cố môi trường.

+ Thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong lĩnh vực môi trường; ngăn chặn và xử lý nghiêm mọi hành vi vi phạm pháp luật về môi trường, đẩy lùi tình trạng ô nhiễm, xâm hại môi trường và suy giảm đa dạng sinh học.

+ Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường: thực hiện và chỉ đạo các cơ quan, đơn vị và chính quyền địa phương các cấp thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường của UBND các cấp theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 168 Luật BVMT.

2. Kiến nghị xử lý trách nhiệm đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường:-/-.

3. Kiến nghị đối với các cơ quan có thẩm quyền

- Đối với Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Đối với các cụm công nghiệp đã được thành lập trước đây và đang có doanh nghiệp đầu tư các dự án sản xuất, kinh doanh có phát sinh nước thải ra môi trường nhưng từng dự án sản xuất của doanh nghiệp có đầu tư hệ thống xử lý nước thải đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường và tỷ lệ lấp đầy đạt 100% diện tích đất công nghiệp: kiến nghị Quốc hội xem xét, điều chỉnh Luật BVMT theo hướng cho phép các cụm công nghiệp này không phải xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường:

+ Sớm ban hành: (1) quy định kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật phục vụ công tác lập nhiệm vụ xây dựng kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt sông, hồ nội tỉnh; kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí tỉnh; (2) hướng dẫn chi tiết việc thu gom, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật phát sinh trong hoạt động nông nghiệp theo quy định tại điểm c khoản 4 và điểm b khoản 6 Điều 65 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; (3) bổ sung thêm các lực lượng có chức năng xử phạt vào danh mục Lực lượng được trang bị phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ của Nghị định số 135/2021/NĐ-CP của Chính phủ; (4) hướng dẫn cụ thể về việc tổ chức thực hiện mua, bán bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường; (5) quy định, hướng dẫn về mô hình tổ chức và hoạt động, điều lệ mẫu cho Quỹ Bảo vệ môi trường địa phương để áp dụng thực hiện thống nhất trên toàn quốc; (6) hướng dẫn về cơ chế tài chính áp dụng thống nhất cho tất cả các Quỹ Bảo vệ môi trường từ trung ương đến địa phương.

+ Hỗ trợ kinh phí cho tỉnh An Giang thực hiện các dự án: đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung cho các cụm công nghiệp, khu đô thị tập trung và xử lý các khu, điểm ô nhiễm môi trường.

+ Xem xét hỗ trợ địa phương thực hiện một số nhiệm vụ: đầu tư, nâng cấp trang thiết bị phục vụ công tác dự báo, cảnh báo sớm sạt lở; các giải pháp về quản lý nước, điều tiết nước ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long; tiếp tục xem xét hỗ trợ cho Tỉnh An Giang thực hiện các dự án hồ chứa, trữ lũ, trữ nước vùng núi phục vụ phần lớn đồng bào dân tộc Khmer.

+ Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn nhằm nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường ở địa phương; xây dựng, hoàn thiện, chia sẻ cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường quốc gia để địa phương khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu thuận tiện, hiệu quả, đồng bộ.

Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang kính gửi báo cáo đến Đoàn Giám sát Quốc hội để xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- TT. Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh An Giang;
- UBND tỉnh: CT và các PCT;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- CVP và các PCVP UBND tỉnh;
- Các hội, đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, KTĐT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Ngô Công Thúc

PHỤ LỤC 01
DANH MỤC CÁC VĂN BẢN ĐƯỢC BAN HÀNH ĐẾN THỜI ĐIỂM BÁO CÁO SO VỚI YÊU CẦU CẦN
THIẾT BAN HÀNH

(Kèm theo Báo cáo số 296/BC-UBND ngày 21/3/2025 của UBND tỉnh An Giang)

STT	Văn bản ban hành	Ghi chú
I	Văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết	
1	Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 của HĐND tỉnh Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang	Quy định chi tiết khoản 3 Điều 45 Luật BVMT
2	Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 07/10/2024 của UBND tỉnh An Giang về ban hành Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang	Quy định chi tiết khoản 6 Điều 53; khoản 6 Điều 62; khoản 6 Điều 64; khoản 8 Điều 64; khoản 6 Điều 65; khoản 7 Điều 72; khoản 2 Điều 75; khoản 6 Điều 75; khoản 4 Điều 77; khoản 6 Điều 79; điểm c khoản 5 Điều 81; khoản 3 Điều 83 Luật BVMT
3	Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của UBND tỉnh An Giang ban hành Quy định lập, thẩm định và phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở trên địa bàn tỉnh An Giang	Quy định về việc lập, thẩm định và phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở trên địa bàn tỉnh An Giang thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố (sau đây viết tắt là UBND cấp huyện).
4	Quyết định số 1836/QĐ-UBND ngày 02/12/2024 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực ứng phó sự cố tràn dầu thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang	
5	Quyết định số 60/2022/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh An Giang về việc quy định mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang	Quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo phân cấp tại Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 05 tháng 5 năm 2020 của HĐND tỉnh quy định về phân cấp nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang

STT	Văn bản ban hành	Ghi chú
6	Quyết định số 13/2024/QĐ-UBND ngày 11/4/2024 của UBND tỉnh bãi bỏ Quyết định số 14/2016/QĐ-UBND ngày 09/3/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá quan trắc và phân tích môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang	Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 14/2016/QĐ-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2016 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành đơn giá quan trắc và phân tích môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang cho phù hợp với Luật BVMT (<i>văn bản sửa đổi văn bản pháp luật có liên quan đến Luật Bảo vệ môi trường</i>)
II	Văn bản theo thẩm quyền triển khai các quy định bảo vệ môi trường được Luật giao	
1	Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 07/3/2022 của UBND tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được thay thế, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường	Triển khai quy định tại khoản 3 Điều 35; khoản 3 và khoản 4 Điều 41; khoản 7 Điều 67 Luật BVMT (<i>văn bản sửa đổi văn bản pháp luật có liên quan đến Luật Bảo vệ môi trường</i>)
2	Quyết định số 1264/QĐ-UBND ngày 20/6/2022 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường	
3	Quyết định số 910/QĐ-UBND ngày 05/5/2022 của UBND tỉnh An Giang về việc ủy quyền Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ liên quan trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh An Giang	
4	Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 08/5/2024 của UBND tỉnh An Giang về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ liên quan trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh An Giang	
5	Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 19/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang về việc chấn chỉnh, tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang	Triển khai quy định tại điểm c khoản 2 Điều 58 Luật BVMT
6	Công văn số 1253/UBND-KTN ngày 26/10/2022 của UBND tỉnh An Giang về việc tăng cường công tác bảo vệ môi trường nông thôn theo Luật Bảo vệ môi trường 2020 để tổ chức thực hiện	
7	Công văn số 312/UBND-KTN ngày 01/04/2022 của UBND tỉnh An Giang về việc triển khai nội dung về quản lý và bảo vệ môi trường	Triển khai quy định chi tiết của Chính phủ được giao tại khoản 3 Điều 20, khoản 4 Điều 21 của Luật BVMT

STT	Văn bản ban hành	Ghi chú
	di sản thiên nhiên trong Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	
8	Công văn số 528/UBND-KTN ngày 12/5/2023 của UBND tỉnh An Giang về việc đôn đốc triển khai thực hiện một số nội dung liên quan đến công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh	Triển khai quy định tại Điều 51, Điều 52 Luật BVMT
9	Công văn số 1381/UBND-KTN ngày 07/10/2024 của UBND tỉnh An Giang về việc triển khai thực hiện Kế hoạch quốc gia về quản lý, loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát	Triển khai quy định tại Điều 91, Điều 92, Điều 139 Luật BVMT
10	Công văn số 1511/UBND-KTN ngày 28/10/2024 của UBND tỉnh An Giang về việc triển khai thực hiện Quyết định số 13/2024/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính (cập nhật)	
III	Văn bản ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường địa phương, định mức kinh tế - kỹ thuật về BVMT	
1	Quyết định số 752/QĐ-UBND ngày 08/5/2024 của UBND tỉnh An Giang Quy định đơn giá quan trắc và phân tích môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang	Triển khai quy định về hoạt động quan trắc môi trường theo Luật BVMT
IV	Kế hoạch, chương trình, đề án, dự án để triển khai thực hiện Luật BVMT năm 2020, Chiến lược BVMT quốc gia, Quy hoạch BVMT quốc gia	
1	Quyết định số 1369/QĐ-TTg ngày 15/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	
2	Quyết định số 1197/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật BVMT trên địa bàn tỉnh An Giang	
3	Quyết định số 599/QĐ-UBND ngày 28/3/2022 của UBND tỉnh An Giang về Kế hoạch “Thu gom, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2025”	
4	Quyết định số 2877/QĐ-UBND ngày 30/11/2022 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý	

STT	Văn bản ban hành	Ghi chú
	bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2025	
5	Kế hoạch số 313/KH-UBND ngày 26/4/2023 của UBND tỉnh An Giang về Kế hoạch thí điểm xây dựng mô hình phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn (02 mô hình)	
6	Kế hoạch số 385/KH-UBND ngày 11/4/2024 của UBND tỉnh An Giang về thí điểm xây dựng mô hình phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn (02 mô hình)	
7	Kế hoạch số 464/KH-UBND ngày 29/7/2021 của UBND tỉnh An Giang dự toán kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường năm 2022 và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2022-2024	
8	Kế hoạch số 618/KH-UBND ngày 03/10/2022 của UBND tỉnh An Giang dự toán kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường năm 2023 và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2023-2025	
9	Kế hoạch số 840/KH-UBND ngày 27/9/2023 của UBND tỉnh An Giang dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 và Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2024-2026 từ nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường tỉnh An Giang	
10	Kế hoạch số 752/KH-UBND ngày 31/7/2024 của UBND tỉnh An Giang về việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2025 và định hướng đến năm 2030	
11	Chương trình phối hợp số 404/CTr-UBND ngày 19/4/2024 của UBND tỉnh An Giang về bảo vệ môi trường tỉnh An Giang giai đoạn 2024 - 2026	
12	Quyết định số 755/QĐ-UBND ngày 08/5/2024 của UBND tỉnh An Giang phê duyệt Đề án truyền thông nâng cao năng lực, nhận thức về biến đổi khí hậu cho cán bộ và cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh An Giang đến năm 2025	
13	Kế hoạch kiểm kê khí nhà kính và đề xuất các giải pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trên địa bàn tỉnh An Giang (đang trong quá trình thực hiện)	Công văn số 3952/VPUBND-KTN ngày 01/07/2022 của UBND tỉnh An Giang về việc chủ trương đầu tư thực hiện Kế hoạch “Kiểm kê khí nhà kính và đề xuất giải pháp giảm

STT	Văn bản ban hành	Ghi chú
		nhẹ phát thải khí nhà kính trên địa bàn tỉnh An Giang”
14	Báo cáo đánh giá tác động, tính dễ tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh An Giang (đang trong quá trình thực hiện)	Công văn số 1189/UBND-KTN ngày 30/08/2024 của UBND tỉnh về việc chủ trương lập Đề cương - Dự toán nhiệm vụ: Xây dựng Báo cáo đánh giá tác động, tính dễ tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu gây ra trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2024

PHỤ LỤC 02
DANH MỤC CÁC VĂN BẢN, CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT TRIỂN KHAI LUẬT BVMT NĂM 2020
CHƯA ĐƯỢC BAN HÀNH THUỘC TRÁCH NHIỆM CỦA UBND TỈNH

(Kèm theo Báo cáo số 296/BC-UBND ngày 21/3/2025 của UBND tỉnh An Giang)

STT	Quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020	Nội dung chi tiết Luật giao	Ghi chú
I	Thẩm quyền ban hành của HĐND tỉnh		
1	khoản 4 Điều 169	Bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung một số điểm trong Mục IX - Phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường thuộc Phụ lục số 01 - Danh mục Phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2017/QH14 và Luật số 23/2018/QH14....	UBND tỉnh An Giang giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang chủ trì, thực hiện.
II	Thẩm quyền ban hành của UBND tỉnh		
1	điểm d khoản 3 Điều 8;	Ban hành, tổ chức thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản này	UBND tỉnh An Giang giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang chủ trì, thực hiện.
2	điểm a khoản 3 Điều 14;	Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh	UBND tỉnh An Giang giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang chủ trì, thực hiện.
3	điểm c khoản 5 Điều 51;	Ban hành quy định khuyến khích, tổ chức thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung	UBND tỉnh An Giang giao Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang chủ trì, phối hợp với Sở Công thương nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh An Giang thực hiện (theo Quyết định số 274/QĐ-UBND ngày 27/02/2025 của UBND tỉnh An Giang).
4	điểm b và điểm c khoản 6 Điều 52;	b) Ban hành quy định khuyến khích, tổ chức thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường đối với	UBND tỉnh An Giang giao Sở Công thương tỉnh An Giang chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh An Giang thực

		cụm công nghiệp;	hiện (theo Quyết định số 14/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND tỉnh An Giang).
5		c) Ban hành lộ trình di dời dân cư sinh sống (nếu có) ra khỏi cụm công nghiệp.	UBND tỉnh An Giang giao Sở Công thương tỉnh An Giang chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh An Giang thực hiện (theo Quyết định số 14/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND tỉnh An Giang).
6	khoản 6 Điều 65;	“....có giải pháp phân luồng giao thông, kiểm soát ô nhiễm môi trường nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường không khí đối với đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I.”	UBND tỉnh An Giang giao Sở Xây dựng tỉnh An Giang chủ trì nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh An Giang thực hiện (theo Quyết định số 17/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND tỉnh An Giang).
7	khoản 7 Điều 72;	“...thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động quản lý chất thải theo quy định của pháp luật”.	UBND tỉnh An Giang giao Sở Tài chính tỉnh An Giang chủ trì nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh An Giang thực hiện.
8	khoản 6 Điều 79;	“....quy định giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; quy định cụ thể hình thức và mức kinh phí hộ gia đình, cá nhân phải chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt dựa trên khối lượng hoặc thể tích chất thải đã được phân loại.”	UBND tỉnh An Giang giao Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang) tham mưu tại Công văn số 1069/VPUBND-KTTH ngày 27/02/2025 của Văn phòng UBND tỉnh An Giang.
9	các điểm b, c và d khoản 5 Điều 86	5. UBND cấp tỉnh có trách nhiệm sau đây: b) Ban hành lộ trình bố trí quỹ đất, đầu tư hoặc khuyến khích đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung trong trường hợp chưa có hệ thống thu gom, xử lý nước thải; c) Ban hành lộ trình và chính sách hỗ trợ để tổ	UBND tỉnh An Giang giao Sở Xây dựng tỉnh An Giang chủ trì phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh An Giang thực hiện (theo Quyết định số 17/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND tỉnh An Giang).

		chức, hộ gia đình trong đô thị, khu dân cư tập trung xây dựng công trình, lắp đặt thiết bị xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường trước khi thải vào nguồn tiếp nhận trong trường hợp không bố trí được quỹ đất xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tại khu đô thị, khu dân cư tập trung đã hình thành trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành; d) Ban hành lộ trình thực hiện và chính sách hỗ trợ thu gom, xử lý tại chỗ nước thải sinh hoạt phát sinh từ tổ chức, hộ gia đình tại các khu dân cư không tập trung.	
--	--	--	--

PHỤ LỤC 03**DANH MỤC CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH, DỊCH VỤ CÓ NGUY CƠ GÂY Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG CAO***(Kèm theo Báo cáo số 296/BC-UBND ngày 21/3/2025 của UBND tỉnh An Giang)*

TT	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường	Tên cơ sở hoạt động	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường (nếu có)	Nước thải		Khí thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường (nếu có)
				Tổng lượng nước thải phát sinh (m ³ /ngày đêm)	Hệ thống quan trắc tự động, (nếu có)	Lượng khí thải phát sinh (m ³ /giờ)	Hệ thống quan trắc tự động (nếu có)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp p thông thường (kg/năm)	Nguy hại (kg/năm)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Chế biến thủy sản	Phân xưởng 2 và Kho lạnh 3.000 tấn Nhà máy ĐLTS Việt An	1069/QĐ-UBND 24/4/2007	Công suất thiết kế: 1.400	-	-	-	-	-	-	-
2	Chế biến thủy sản	Nhà máy chế biến đông lạnh thủy sản xuất khẩu (Phân xưởng I)	756/QĐ-CT.UB 29/04/2004	Công suất thiết kế: 1.000	-	-	-	-	-	-	-
3	Chế biến thủy sản	Nhà máy chế biến đông lạnh thủy sản xuất	153/QĐ-STNMT 12/10/2007	Công suất thiết kế: 600	-	-	-	-	-	-	-

		khẩu (Phân xưởng II)									
4	Chế biến thủy sản	Nhà máy chế biến thủy sản Hòa Phát	124/QĐ-STNMT 25/9/2007	Công suất thiết kế: 1.500	-	-	-	-	-	-	-
5	Chế biến thủy sản	Xí nghiệp đông lạnh 8	186/QĐ-STNMT 26/11/2007	Công suất thiết kế: 1.300	-	-	-	-	-	-	-
6	Chế biến thủy sản	Nhà máy chế biến thủy sản An Mỹ	199/QĐ-STNMT 10/12/2007	Công suất thiết kế: 600	-	-	-	-	-	-	-
7	Chế biến thủy sản	Nhà Máy CB đông lạnh Bình Long	81/QĐ-STNMT-MT 10/4/2008	Công suất thiết kế: 400	-	-	-	-	-	-	-
8	Xử lý nước thải đô thị	Xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải Tx Châu Đốc	253/QĐ-STNMT-MT 16/12/2008	Công suất thiết kế: 5.000	Có lắp đặt hệ thống quan trắc tự động	-	-	-	-	-	-
9	Chế biến thủy sản	MR nâng công suất chế biến thủy sản của Xí nghiệp chế biến thủy sản Thuận An 1	184/QĐ-STNMT-MT 22/7/2008	Công suất thiết kế: 400	-	-	-	-	-	-	-
10	Chế biến thủy sản	Dự án đầu tư XN CBTS XK	1261/QĐ-UBND	Công suất	-	-	-	-	-	-	-

	sản	Thuận An III (BS)	14/5/2007; 77/QĐ-STNMT-CCBVM 05/7/2009	thiết kế: 800							
11	Chế biến thủy sản	Dự án đầu tư mở rộng nhà máy đông lạnh 7 - Phân xưởng chế biến mặt hàng mới (BS)	98/QĐ-STNMT-CCBVM 21/5/2009	Công suất thiết kế: 1.200	-	-	-	-	-	-	-
12	Chế biến thủy sản	Xí nghiệp đông lạnh 9	1116/QĐ-UBND ngày 07/6/2006	Công suất thiết kế: 950	-	-	-	-	-	-	-
13	Chế biến thủy sản	Nhà máy ĐLTS Bình Minh (Sunrise Corp.)	133/QĐ-STNMT-CCBVM ngày 04/9/2009	Công suất thiết kế: 1.200	-	-	-	-	-	-	-
14	Xử lý nước thải sinh hoạt	Hệ thống thoát nước và xử lý NT TPLX	161/QĐ-STNMT 13/9/2010	- Trạm Bình Đức: Công suất thiết kế: 10.000 - Trạm Mỹ Hòa: Công suất thiết kế: 20.000	Có lắp đặt hệ thống quan trắc tự động	-	-	-	-	-	-
15	Chế biến thủy sản	Nhà máy CB cá tra Fillet	127/QĐ-STNMT-MT	Công suất thiết kế:	-	-	-	-	-	-	-

		đông lạnh xuất khẩu	30/6/2010	1.500							
16	Sơ chế da	Cơ sở sơ chế da bò Châu Thị Nấp	05/QĐ-STNMT ngày 12/01/2015	Công suất thiết kế: 01	-	-	-	-	-	-	-
17	SX thuốc BVTV	Nhà máy thuốc BVTV Châu Thành	393/QĐ-STNMT ngày 01/12/2015	Công suất thiết kế: 117	-	-	-	-	-	-	-
18	Xử lý chất thải rắn thông thường	Xây dựng hồ chôn lấp rác hợp vệ sinh	964/QĐ-STNMT ngày 26/9/2017	Công suất thiết kế: 50	-	-	-	-	-	-	-
19	xử lý chất thải rắn	Nhà máy xử lý chất thải rắn Thoại Sơn	1373/QĐ-STNMT ngày 23/10/2019	Công suất thiết kế: 15	-	-	-	-	-	-	-
20	Chế biến thủy sản	Nhà máy chế biến thủy sản Phúc Tâm Lợi	1527/QĐ-STNMT ngày 06/12/2019	Công suất thiết kế: 100	-	-	-	-	-	-	-
21	Xử lý chất thải rắn sinh hoạt	Xây dựng ô chôn lấp hợp vệ sinh số 2 – Khu liên hợp xử lý chất thải rắn cụm Long Xuyên	553/QĐ-STNMT ngày 21/5/2020	Công suất thiết kế: 100	-	-	-	-	-	-	-
22	Chế biến thủy	Nhà máy chế biến thủy sản	1014/QĐ-STNMT ngày	Công suất	-	-	-	-	-	-	-

	sản	P&H An Giang (đang xây dựng)	17/9/2020	thiết kế: 800							
23	Giết mổ	Cơ sở giết mổ gia súc - gia cầm tập trung thành phố Châu Đốc (giai đoạn 1)	1305/QĐ- STNMT ngày 23/11/2020	Công suất thiết kế: 200	-	-	-	-	-	-	-
24	Chế biến thủy sản	“Nhà máy đông lạnh thủy sản Nam Việt – Thái Bình Dương”	2984/QĐ- CT.UB ngày 31/12/2004	Công suất thiết kế: 1.200	-	-	-	-	-	-	-
25	Chế biến thủy sản	Nhà máy chế biến thủy sản Hưng Phúc Thịnh	1117/QĐ- UBND ngày 07/6/2006; 334/QĐ- STNMT ngày 22/3/2018	Công suất thiết kế: 300	-	-	-	-	-	-	-
26	Sản xuất kẽm (có công đoạn xi mạ)	Xưởng gia công dây thép mạ kẽm Many	1384/QĐ- STNMT ngày 17/12/2018	Công suất thiết kế: 06	-	-	-	-	-	-	-

(Số liệu thống kê theo Báo cáo số 129/BC-UBND ngày 18/02/2025 của UBND tỉnh An Giang về Báo cáo công tác bảo vệ môi trường tỉnh An Giang năm 2024)

PHỤ LỤC 04
THÔNG KÊ KHỐI LƯỢNG CHẤT THẢI HOẠT ĐỘNG NÔNG NGHIỆP VÀ BIỆN PHÁP XỬ LÝ
(Kèm theo Báo cáo số 296/BC-UBND ngày 21/3/2025 của UBND tỉnh An Giang)

Tên vật nuôi	Tổng đàn vật nuôi (con)	Tổng lượng chất thải trong năm	Phương pháp xử lý							
			Biogas		Ủ phân/Đệm lót sinh học		Hình thức khác (phơi khô)		Tổng lượng chất thải được xử lý	Tỷ lệ xử lý (%)
			Số công trình	KL chất thải được xử lý	Số công trình	KL chất thải được xử lý	Số công trình	KL chất thải được xử lý		
A.Chất thải rắn (Tấn/năm)		778.837	3.035	114.157	619	52.269	6.119	205.091	498.232	
Heo	126.600	115.523	2.980	103.329	0	0	0	0	103.329	89
Gia cầm	6.400.000	467.200	31	10.804	98	46.126	1.004	179.853	236.783	51
Bò	48.300	176.295	24	24	88	11	4.698	12.919	139.669	79
Trâu	2.500	13.688	0	0	0	0	418	12.319	12.319	90
Đê	11.200	6.132	0	0	433	6.132	0	0	6.132	100
Tỷ lệ xử lý (%)			10,6	14,7	2,2	6,7	21	26,3	64,0	
B. Chất thải lỏng (m3/năm)		1.760.395	26	438	69	0	4.037	1.405.707	1.406.145	
Heo	126.600	1.571.106	0	0	0	0	2.980	1.405.269	1.405.269	89,5
Gia cầm	6.400.000	0	2	0	69	0	1.033	0	0	0
Bò	48.300	176.295	24	438	0	0	24	438	876	0,5
Trâu	2.500	10.950	0	0	0	0	0	0	0	0
Đê	11.200	2.044	0	0	0	0	0	0	0	0

Tên vật nuôi	Tổng đàn vật nuôi (con)	Tổng lượng chất thải trong năm	Phương pháp xử lý							
			Biogas		Ủ phân/Đệm lót sinh học		Hình thức khác (phơi khô)		Tổng lượng chất thải được xử lý	Tỷ lệ xử lý (%)
			Số công trình	KL chất thải được xử lý	Số công trình	KL chất thải được xử lý	Số công trình	KL chất thải được xử lý		
Tỷ lệ xử lý (%)			0,09	0,02	0,24	0,00	14,08	79,85	79,88	

¹ Tổng lượng chất thải rắn/năm (tấn/năm) = [Tổng đàn vật nuôi A (con) x Lượng chất rắn phát sinh (kg/con /ngày) x 365 ngày]/1000

² Tổng lượng chất thải lỏng/năm (m³/năm) = [Tổng đàn vật nuôi A (con) x Lượng chất lỏng phát sinh (lít/con /ngày) x 365 ngày]/1000